

Số: 755/QĐ - BVCTCH

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 7 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu

Gói thầu thuốc Generic

Thuộc dự toán: Mua thuốc năm 2017-2018

Chủ đầu tư: Bệnh viện Chấn thương Chính hình

GIÁM ĐỐC BỆNH VIỆN CHẤN THƯƠNG CHÍNH HÌNH

Căn cứ Luật đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26/11/2013 của Quốc Hội Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/7/2014;

Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15/8/2014;

Căn cứ Thông tư số 11/2016/TT-BYT ngày 11/5/2016 của Bộ Y tế quy định về việc đấu thầu thuốc tại các cơ sở y tế công lập;

Căn cứ Quyết định 3377/QĐ-SYT ngày 17/5/2017 của Giám đốc Sở Y tế Thành phố Hồ Chí Minh về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Bệnh viện Chấn thương Chính hình thuộc Sở Y tế;

Căn cứ Quyết định số 936/QĐ-BVCTCH-KD ngày 28/11/2017 của Bệnh viện Chấn thương Chính hình về việc phê duyệt dự toán Các gói thầu mua thuốc năm 2017 – 2018 của Bệnh viện Chấn thương Chính hình;

Căn cứ Quyết định số 444/QĐ-SYT ngày 13/02/2018 của Giám đốc Sở Y tế về việc duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu các gói thầu mua sắm thuốc năm 2017-2018 của Bệnh viện Chấn thương Chính hình;

Căn cứ Quyết định số 389/QĐ-BVCTCH-KD ngày 26/3/2018 của Giám đốc Bệnh viện Chấn thương Chính hình về việc thành lập Bên mời thầu Các gói thầu mua sắm thuốc năm 2017-2018 của Bệnh viện Chấn thương Chính hình;

Căn cứ Quyết định số 390/QĐ-BVCTCH-KD ngày 26/3/2018 của Giám đốc Bệnh viện Chấn thương Chính hình về việc thành lập Tổ chuyên gia Các gói thầu mua sắm thuốc năm 2017-2018 của Bệnh viện Chấn thương Chính hình;

Căn cứ Quyết định số 391/QĐ-BVCTCH-KD ngày 26/3/2018 của Giám đốc Bệnh viện Chấn thương Chỉnh hình về việc thành lập Tổ thẩm định Các gói thầu mua sắm thuốc năm 2017-2018 của Bệnh viện Chấn thương Chỉnh hình;

Căn cứ Quyết định số 472/QĐ-BVCTCH-KD ngày 06/4/2018 của Giám đốc Bệnh viện Chấn thương Chỉnh hình về việc phê duyệt hồ sơ mời thầu Gói thầu mua sắm thuốc Generic, thuộc dự toán Các gói thầu mua sắm thuốc năm 2017-2018 của Bệnh viện Chấn thương Chỉnh hình;

Căn cứ Quyết định số 655/QĐ-BVCTCH ngày 22/6/2018 của Giám đốc Bệnh viện Chấn thương Chỉnh hình về việc Phê duyệt danh sách nhà thầu đáp ứng yêu cầu kỹ thuật Gói thầu thuốc Generic, thuộc dự toán Các gói thầu mua sắm thuốc năm 2017-2018 của Bệnh viện Chấn thương Chỉnh hình;

Căn cứ Quyết định số 676/QĐ-BVCTCH ngày 29/6/2018 của Giám đốc Bệnh viện Chấn thương Chỉnh hình về việc bổ sung Phê duyệt danh sách nhà thầu đáp ứng yêu cầu kỹ thuật Gói thầu thuốc Generic, thuộc dự toán Các gói thầu mua sắm thuốc năm 2017-2018 của Bệnh viện Chấn thương Chỉnh hình;

Căn cứ Quyết định số 707/QĐ-BVCTCH ngày 10/7/2018 của Giám đốc Bệnh viện Chấn thương Chỉnh hình về việc bổ sung Phê duyệt danh sách nhà thầu đáp ứng yêu cầu kỹ thuật Gói thầu thuốc Generic, thuộc dự toán Các gói thầu mua sắm thuốc năm 2017-2018 của Bệnh viện Chấn thương Chỉnh hình;

Căn cứ Quyết định số 746/QĐ-BVCTCH ngày 24/7/2018 của Giám đốc Bệnh viện Chấn thương Chỉnh hình Về việc Phê duyệt danh sách xếp hạng nhà thầu Gói thầu thuốc Generic, thuộc dự toán Các gói thầu mua sắm thuốc năm 2017-2018 của Bệnh viện Chấn thương Chỉnh hình;

Xét Tờ trình Thẩm định ngày 26 tháng 7 năm 2018 của Bên mời thầu và bản Báo cáo thẩm định ngày 27 tháng 7 năm 2018 của Tổ thẩm định Bệnh viện Chấn thương Chỉnh hình Về việc đề nghị phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu, Gói thầu thuốc Generic, thuộc dự toán Các gói thầu mua sắm thuốc năm 2017-2018 của Bệnh viện Chấn thương Chỉnh hình;

Xét đề nghị của Bên mời thầu Bệnh viện Chấn thương Chỉnh hình,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu Gói thầu thuốc Generic của Bệnh viện Chấn thương Chỉnh hình với các nội dung như sau:

1. Chủ đầu tư: Bệnh viện Chấn thương Chỉnh hình
2. Tên gói thầu: Gói thầu thuốc Generic
3. Nguồn vốn: Nguồn từ dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh (bao gồm cả nguồn thu do cơ quan BHXH thanh toán) và nguồn thu hợp pháp khác
4. Hình thức đấu thầu: Đấu thầu rộng rãi trong nước
5. Phương thức lựa chọn nhà thầu: Một giai đoạn, hai túi hồ sơ



6. Tổng số nhà thầu trúng thầu: **46** nhà thầu
7. Tổng số mặt hàng trúng thầu: **202** mặt hàng
8. Tổng giá trị gói thầu trúng thầu: **28.779.153.942 đồng**
(Số tiền bằng chữ: Hai mươi tám tỷ bảy trăm bảy mươi chín triệu một trăm năm mươi ba ngàn chín trăm bốn mươi hai đồng)
9. Tên nhà thầu, tên hàng hóa và giá trúng thầu: theo danh sách đính kèm
10. Hình thức hợp đồng: Hợp đồng trọn gói
11. Thời gian thực hiện hợp đồng: 12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.

Điều 2. Tổ chuyên gia Bệnh viện Chấn thương Chỉnh hình tự chịu trách nhiệm về kết quả đánh giá Hồ sơ dự thầu và đề xuất thứ tự xếp hạng nhà thầu theo quy định.

Điều 3. Bên mời thầu Bệnh viện Chấn thương Chỉnh hình có trách nhiệm: đề xuất kết quả lựa chọn nhà thầu; đăng tải thông tin về kết quả lựa chọn nhà thầu lên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia hoặc Báo đấu thầu; gửi văn bản thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu cho các nhà thầu tham dự thầu và chuẩn bị nội dung chặt chẽ để hoàn thiện hợp đồng, hợp đồng phải đảm bảo chất lượng và phải chú ý đến các điều khoản chế tài trong thực hiện hợp đồng. Tham vấn cho Chủ đầu tư ký hợp đồng chính thức với các nhà thầu trúng thầu, tổ chức thực hiện hợp đồng mua sắm hàng hóa theo đúng quy định hiện hành.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Bên mời thầu, Tổ chuyên gia, Tổ thẩm định và các phòng ban liên quan khác của Bệnh viện Chấn thương Chỉnh hình chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- P.TCKT bệnh viện;
- Kho bạc Nhà nước Quận 5;
- Lưu: VT, KD (10b).

GIÁM ĐỐC



Phan Quang Trí

Q# 755

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
BỆNH VIỆN CHẤN THƯƠNG CHỈNH HÌNH

KQ-5A1

BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ THUỐC TRÚNG THẦU
GÓI THẦU THUỐC GENERIC THEO QUYẾT ĐỊNH TRÚNG THẦU SỐ 755/QĐ-BVCTCH NGÀY 31/07/2018

STT	STT trong Hồ sơ mời thầu	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SĐK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Giá trúng thầu	Số lượng trúng thầu	Thành tiền
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)
1 CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HẬU GIANG																
Lô 3: Thuốc sản xuất trên dây chuyền sản xuất đạt tiêu chuẩn WHO-GMP được Bộ Y tế Việt Nam cấp giấy chứng nhận																
1	77	Paracetamol	Bé nóng	Bé nóng	VD-20547-14	100mg	Viên nén		Uống	viên	CTy TNHH MTV Dược phẩm DHG	Việt Nam	Chai 100 viên	70	6.600	462.000
2	96	Sắt fumarat + acid folic + Vitamin B12	Bofit F		VD-15977-11	162mg + 0,75mg + 7,5mcg	Viên nang mềm		Uống	viên	CTCP Dược Hậu Giang	Việt Nam	Hộp 3 vỉ x 10 viên	315	9.300	2.929.500
TỔNG CỘNG															2	3.391.500
TỔNG CỘNG															2	3.391.500
2 CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DƯỢC PHẨM THIÊN KIM																
Lô 1: Thuốc sản xuất trên dây chuyền sản xuất đạt tiêu chuẩn EU-GMP hoặc PIC/s-GMP tại cơ sở sản xuất thuộc nước tham gia ICH và Australia hoặc Thuốc sản xuất trên dây chuyền sản xuất đạt tiêu chuẩn WHO-GMP do Bộ Y tế Việt nam cấp giấy chứng nhận và được cơ quan quản lý quốc gia có thẩm quyền cấp phép lưu hành tại nước tham gia ICH hoặc Australia																
1	28	Cefoperazon (dưới dạng Cefoperazon natri) + Sulbactam (dưới dạng Sulbactam natri)	Basultam		VN-18017-14	1g + 1g	Bột pha tiêm bắp, tinh mạch		Tiêm	Lọ	Medochemie Ltd. - Factory C	Cyprus	Hộp 01 lọ bột pha tiêm	184.900	2.500	462.250.000
2	45	Diclofenac natri	Elaria	Elaria	VN-16829-13	75mg	Dung dịch tiêm	Ống 3ml	Tiêm	Ống	Medochemie Ltd - Ampoule Injectable Facility	Cyprus	Hộp 2 vỉ x 5 ống	7.800	21.630	168.714.000
3	109	Ranitidine (dưới dạng Ranitidine hydrochloride)	Raxadoni		VN-16732-13	25mg/1ml	Dung dịch tiêm	Lọ/Ống 2ml	Tiêm	Ống	Demo S.A. Pharmaceutical Industry	Greece	Hộp 5 ống 2ml	22.000	8.900	195.800.000
TỔNG CỘNG															3	826.764.000
TỔNG CỘNG															3	826.764.000
3 CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM ĐẠI DƯƠNG																

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
BỆNH VIỆN CHẨN THƯƠNG CHÍNH HÌNH

KQ-5A1

STT	STT trong Hồ sơ mời thầu	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Giá trúng thầu	Số lượng trúng thầu	Thành tiền
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)
Lô 1: Thuốc sản xuất trên dây chuyền sản xuất đạt tiêu chuẩn EU-GMP hoặc PIC/s-GMP tại cơ sở sản xuất thuộc nước tham gia ICH và Australia hoặc Thuốc sản xuất trên dây chuyền sản xuất đạt tiêu chuẩn WHO-GMP do Bộ Y tế Việt nam cấp giấy chứng nhận và được cơ quan quản lý quốc gia có thẩm quyền cấp phép lưu hành tại nước tham gia ICH hoặc Australia																
1	114	Sucralfate	Sucrate gel		VN-13767-11	1g/5ml	Hỗn dịch uống	Gói 5g hoặc 5ml	Uống	Gói	Laboratorio Italiano Biochimico Farmaceutico Lisapharma S.p.A.	Italy	Hộp 30 túi 5ml	7.800	1.100	8.580.000
TỔNG CỘNG															1	8.580.000
Lô 3: Thuốc sản xuất trên dây chuyền sản xuất đạt tiêu chuẩn WHO-GMP được Bộ Y tế Việt Nam cấp giấy chứng nhận																
2	54	Linezolid	Forlen		VD-19658-13	600mg	Viên nén bao phim		Uống	Viên	Công ty có phân được phẩm Đạt Vi Phú	Việt Nam	Hộp 2 vi x 10 viên	15.500	2.300	35.650.000
TỔNG CỘNG															1	35.650.000
TỔNG CỘNG															2	44.230.000
4 CÔNG TY TNHH NHÂN SINH																
Lô 1: Thuốc sản xuất trên dây chuyền sản xuất đạt tiêu chuẩn EU-GMP hoặc PIC/s-GMP tại cơ sở sản xuất thuộc nước tham gia ICH và Australia hoặc Thuốc sản xuất trên dây chuyền sản xuất đạt tiêu chuẩn WHO-GMP do Bộ Y tế Việt nam cấp giấy chứng nhận và được cơ quan quản lý quốc gia có thẩm quyền cấp phép lưu hành tại nước tham gia ICH hoặc Australia																
1	27	Cefoperazon	CEFOPERAZONE ABR 2G powder for solution for injection		VN-20733-17	2g	Bột đông khô pha tiêm		Tiêm	Lọ	Balkanphar ma-Razgrad AD	Bulgaria	Hộp 5 lọ	105.000	6.200	651.000.000
TỔNG CỘNG															1	651.000.000
TỔNG CỘNG															1	651.000.000
5 CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE																
Lô 1: Thuốc sản xuất trên dây chuyền sản xuất đạt tiêu chuẩn EU-GMP hoặc PIC/s-GMP tại cơ sở sản xuất thuộc nước tham gia ICH và Australia hoặc Thuốc sản xuất trên dây chuyền sản xuất đạt tiêu chuẩn WHO-GMP do Bộ Y tế Việt nam cấp giấy chứng nhận và được cơ quan quản lý quốc gia có thẩm quyền cấp phép lưu hành tại nước tham gia ICH hoặc Australia																
1	59	Gapapentin	TEBANTIN 300mg		VN-17714-14	300mg	Viên nang cứng		Uống	Viên	Gedeon Richter Plc	Hungary	Hộp 5 vi x 10 viên	2.667	93.400	249.097.800
2	118	Tolperison hydrochlorid	MYDOCALM 150		VN-17953-14	150mg	Viên nén bao phim		Uống	Viên	Gedeon Richter Plc	Hungary	Hộp 3 vi x 10 viên	2.058	1.800	3.704.400

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
BỆNH VIỆN CHẤN THƯƠNG CHÍNH HÌNH

KQ-5A1

STT	STT trong Hồ sơ mời thầu	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SĐK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Giá trúng thầu	Số lượng trúng thầu	Thành tiền
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)
TỔNG CỘNG															2	252.802.200
TỔNG CỘNG															2	252.802.200
7 CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC S PHARM																
Lô 3: Thuốc sản xuất trên dây chuyền sản xuất đạt tiêu chuẩn WHO-GMP được Bộ Y tế Việt Nam cấp giấy chứng nhận																
1	86	Povidon iodine	POVIDON IODIN 10 %	POVIDON IODIN 10%	VD-28005-17	Mỗi chai 20ml chứa Povidon iodine 2g	Dung dịch dùng ngoài	Chai/Lọ 500ml	Dùng ngoài	Chai	Công ty cổ phần Dược S.Pharm	Việt Nam	Chai 500ml	37.000	14.000	518.000.000
2	115	Acid ascorbic	VITAMIN C 500MG	VITAMIN C 500MG	VD-14646-11	500mg	Viên nén bao phim		Uống	Viên	Công ty cổ phần Dược S.Pharm	Việt Nam	Hộp 50 vi x 10 viên	195	269.000	52.455.000
TỔNG CỘNG															2	570.455.000
TỔNG CỘNG															2	570.455.000
8 CÔNG TY TNHH TMDP CÁT THÀNH																
Lô 3: Thuốc sản xuất trên dây chuyền sản xuất đạt tiêu chuẩn WHO-GMP được Bộ Y tế Việt Nam cấp giấy chứng nhận																
1	56	Loxoprofen (natrihydrat tương ứng 60mg Loxoprofen natri)	Loxoprofen		GC-0183-12	60mg Loxoprofen natr	Viên nén		Uống	viên	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm 3/2	Việt Nam	Hộp 10 vi x 10 viên	1.190	14.000	16.660.000
TỔNG CỘNG															1	16.660.000
Lô 5: Thuốc không đáp ứng các tiêu chí của các lô 1, 2, 3 và 4																
2	4	Ketoprofen	Kefentech		VN-10018-10	30mg/ miếng dán	Cao dán		Dán ngoài da	Miếng	Jeil Pharmaceutical Co. Ltd.	Hàn Quốc	Hộp 20 gói x 07 miếng	8.783	17.460	153.351.180
TỔNG CỘNG															1	153.351.180
TỔNG CỘNG															2	170.011.180
9 CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM THIÊN THẢO SÀI GÒN																
Lô 1: Thuốc sản xuất trên dây chuyền sản xuất đạt tiêu chuẩn EU-GMP hoặc PIC/s-GMP tại cơ sở sản xuất thuộc nước tham gia ICH và Australia hoặc Thuốc sản xuất trên dây chuyền sản xuất đạt tiêu chuẩn WHO-GMP do Bộ Y tế Việt nam cấp giấy chứng nhận và được cơ quan quản lý quốc gia có thẩm quyền cấp phép lưu hành tại nước tham gia ICH hoặc Australia																

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

BỆNH VIỆN CHẤN THƯƠNG CHỈNH HÌNH

KQ-5A1

STT	STT trong Hồ sơ môi trường	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SĐK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Giá trúng thầu	Số lượng trúng thầu	Thành tiền
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)
1	87	Sodium hyaluronate	ADANT		VN-15543-12	25mg	Dung dịch tiêm	Ống 2,5ml	Tiêm	Ống	Tedec Meiji Farma, SA (The Spanish Subsidiary of Meiji Seika Pharma Co., Ltd	Tây Ban Nha	Hộp chứa 1 xy lanh đồng sản dung dịch tiêm	740.000	300	222.000.000
TỔNG CỘNG															1	222.000.000
TỔNG CỘNG															1	222.000.000
10 CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VIỆT HÀ																
Lô 1: Thuốc sản xuất trên dây chuyền sản xuất đạt tiêu chuẩn EU-GMP hoặc PIC/s-GMP tại cơ sở sản xuất thuộc nước tham gia ICH và Australia hoặc Thuốc sản xuất trên dây chuyền sản xuất đạt tiêu chuẩn WHO-GMP do Bộ Y tế Việt nam cấp giấy chứng nhận và được cơ quan quản lý quốc gia có thẩm quyền cấp phép lưu hành tại nước tham gia ICH hoặc Australia																
1	1	Hỗn hợp Amino acid và muối	ALVESIN 10E		VN-9462-10	10%	Dung dịch tiêm truyền	Chai/Túi 250ml	Tiêm truyền tĩnh mạch	Chai	Berlin Chemie AG (Menarini Group)	Đức	Chai 250ml	80.000	160	12.800.000
2	2	Hỗn hợp Amino acid và muối	ALVESIN 10E	ALVESIN 10E	VN-9462-10	10%	Dung dịch tiêm truyền	Chai/Túi 500ml	Tiêm truyền tĩnh mạch	Chai	Berlin Chemie AG (Menarini Group)	Đức	Chai 500ml	139.000	300	41.700.000
3	3	Dung dịch Amino acid và chất điện giải	ALVESIN 5E	ALVESIN 5E	VN-10762-10	5%	Dung dịch tiêm truyền tĩnh mạch	Chai/Túi 500ml	Tiêm truyền tĩnh mạch	Chai	Berlin Chemie AG (Menarini Group)	Đức	Chai 500ml	110.000	2.700	297.000.000

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
BỆNH VIỆN CHÂN THƯƠNG CHÍNH HÌNH

KQ-5A1

STT	STT trong Hồ sơ mời thầu	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SĐK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Giá trúng thầu	Số lượng trúng thầu	Thành tiền
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)
4	36	Cytidine-5'-monophosphat disodium (CMP, muối dinatri); Uridine-5'-triphosphate trisodium (UTP, muối natri) + Uridine-5'-diphosphate disodium (UDP, muối dinatri) + Uridine-5'-monophosphate disodium (UMP, muối dinatri)	NUCLEO CMP FORTE		VN-18720-15	Cytidine-5'-monophosphat disodium (CMP, muối dinatri) 10mg; Uridine-5'-triphosphate trisodium (UTP, muối natri) + Uridine-5'-diphosphate disodium (UDP, muối dinatri) + Uridine-5'-monophosphate disodium (UMP, muối dinatri) tổng cộng 6mg; tương đương Uridine 2,660mg	Bột đông khô và dung môi pha tiêm		Tiêm	Ống	Ferrer Internacion al S.A	Tây Ban Nha	Hộp 3 ống bột và 3 ống dung môi 2ml	51.000	320	16.320.000

Handwritten signature and stamp:
VIỆN
HƯỚNG
HÌNH
S. CH

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
BỆNH VIỆN CHẤN THƯƠNG CHỈNH HÌNH

KQ-5A1

STT	STT trong Hồ sơ mời thầu	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SĐK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Giá trúng thầu	Số lượng trúng thầu	Thành tiền
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)
5	37	Cytidine-5'-disodium monophosphat (CMP, muối dinatri), Uridine-5'- trisodium triphosphate (UTP, muối trinatri), Uridine-5'- disodium diphosphate (UDP, muối dinatri), Uridine-5'- disodium monophosphate(UMP, muối dinatri)	NUCLEO CMP FORTE (capsule)	NUCLEO CMP FORTE, viên nang cứng	20779/QLD-KD	Cytidine-5'-disodium monophosphat (CMP, muối dinatri) 5mg, Uridine-5'- trisodium triphosphate (UTP, muối trinatri), Uridine-5'-disodium diphosphate (UDP, muối dinatri), Uridine-5'-disodium monophosphate (UMP, muối dinatri) tổng cộng 3mg, tương đương Uridine 1,330mg	Viên nang cứng		Uống	Viên	Ferrer Internacion al S.A	Tây Ban Nha	H 2 vi x 15 viên	8.600	37.100	319.060.000
6	105	Promethazine hydrochloride	PIPOLPHEN		VN-19640-16	50mg/2ml	Dung dịch thuốc tiêm	Ống 2ml	Tiêm	Ống	Egis Pharmaceuticals Private Limited company	Hungary	Hộp 100 ống 2ml	13.500	280	3.780.000
7	122	Trolamine	BIAFINE		VN-9416-09	6,7mg/g	Nhũ tương bôi da	Tuýp 93g	Dùng ngoài	Tuýp	Janssen-Cilag	Pháp	Hộp 1 ống 93g	90.000	60	5.400.000
TỔNG CỘNG															7	696.060.000
TỔNG CỘNG															7	696.060.000
11 CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM KHƯƠNG DUY																
Lô 2: Thuốc sản xuất trên dây chuyền sản xuất đạt tiêu chuẩn EU-GMP hoặc PIC/s-GMP nhưng không thuộc nước tham gia ICH và Australia																
1	2	Alphachymotrypsin (tương ứng 4.200 IU Chymotrypsin USP)	Statripsine		VD-21117-14	4,2mg	Viên nén		Uống	viên	Chi nhánh Công ty TNHH Liên doanh Stada -Việt Nam	Việt Nam	Hộp 2 vi x 10 viên	1.150	946.100	1.088.015.000

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
BỆNH VIỆN CHẨN THƯƠNG CHÍNH HÌNH

KQ-5A1

STT	STT trong Hồ sơ mời thầu	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SĐK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Giá trúng thầu	Số lượng trúng thầu	Thành tiền
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)
2	9	Phân đoạn flavonoid vi hạt tinh chế tương ứng với: Diosmin; Các flavonoid biểu thị bằng hesperidin	Diosmin Stada 500mg		VD-22349-15	Phân đoạn flavonoid vi hạt tinh chế tương ứng với: Diosmin 450mg; Các flavonoid biểu thị bằng hesperidin 50mg	Viên nén bao phim		Uống	viên	Chi nhánh Công ty TNHH Liên doanh Stada-Việt Nam	Việt Nam	Hộp 6 vi x 10 viên	1.310	5.750	7.532.500

TỔNG CỘNG 2 1.095.547.500

Lô 3: Thuốc sản xuất trên dây chuyền sản xuất đạt tiêu chuẩn WHO-GMP được Bộ Y tế Việt Nam cấp giấy chứng nhận

3	12	Arginin HCl	Arginine Stada		VD-23336-15	1g/5ml	Dung dịch uống		Uống	ống	Chi nhánh Công ty TNHH Liên doanh Stada-Việt Nam	Việt Nam	Hộp 20 ống x 5ml	2.000	740	1.480.000
---	----	-------------	----------------	--	-------------	--------	----------------	--	------	-----	--	----------	------------------	-------	-----	-----------

TỔNG CỘNG 1 1.480.000

TỔNG CỘNG 3 1.097.027.500

12 CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM 3/2

Lô 3: Thuốc sản xuất trên dây chuyền sản xuất đạt tiêu chuẩn WHO-GMP được Bộ Y tế Việt Nam cấp giấy chứng nhận

1	28	Colchicin	COLCHICINE GALIEN		VD-22784-15	1mg	Viên nén		Uống	Viên	Công ty cổ phần dược phẩm 3/2	Việt Nam	Hộp 1vi x 20viên	210	750	157.500
2	66	Natri Clorid	NATRI CLORID 0,9%		VD-26717-17	Mỗi 100ml chứa: natri clorid 0,9g	Dung dịch dùng ngoài	Chai 500ml	Dùng ngoài	Chai	Công ty cổ phần dược phẩm 3/2	Việt Nam	Chai 500ml	6.825	104.900	715.942.500
3	67	Natri Clorid	NATRI CLORID 0,9%		VD-26717-17	Mỗi 100ml chứa: natri clorid 0,9g	Dung dịch dùng ngoài	Chai 1000ml	Dùng ngoài	Chai	Công ty cổ phần dược phẩm 3/2	Việt Nam	Chai 1000ml	9.975	13.000	129.675.000
4	116	Acid ascorbic	CEVITA 500		VD-27734-17	Mỗi 5ml chứa acid ascorbic 500mg	Dung dịch tiêm	Ống 5ml	Tiêm	Ống	Công ty cổ phần dược phẩm 3/2	Việt Nam	Hộp 10vi x 10ống x 5ml	1.365	16.800	22.932.000

TỔNG CỘNG 4 868.707.000

TỔNG CỘNG 4 868.707.000

13 CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM KHÁNH HÒA

Lô 3: Thuốc sản xuất trên dây chuyền sản xuất đạt tiêu chuẩn WHO-GMP được Bộ Y tế Việt Nam cấp giấy chứng nhận

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
BỆNH VIỆN CHẤN THƯƠNG CHÍNH HÌNH

KQ-5A1

STT	STT trong Hồ sơ mời thầu	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Giá trúng thầu	Số lượng trúng thầu	Thành tiền
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)
1	8	Alphachymotrypsin	Katrypsin		VD-18964-13	21 microkats	Viên nén		Uống	viên	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hòa	Việt Nam	Hộp 15 vi x 10 viên	123	946.100	116.370.300
2	41	Etoricoxib	Etoricoxib 60		VD-27915-17	60mg	Viên nén bao phim		Uống	viên	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hòa	Việt Nam	Hộp 10 vi x 10 viên	830	26.000	21.580.000
3	42	Etoricoxib	Etoricoxib 90		VD-27916-17	90mg	Viên nén bao phim		Uống	viên	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hòa	Việt Nam	Hộp 10 vi x 10 viên	830	9.700	8.051.000
4	81	Paracetamol	Panactol 325mg		VD-19389-13	325mg	Viên nén		Uống	viên	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hòa	Việt Nam	Chai 1000 viên	86	44.300	3.809.800

TỔNG CỘNG 4 149.811.100

Lô 5: Thuốc không đáp ứng các tiêu chí của các lô 1, 2, 3 và 4

5	2	Etoricoxib	Etoricoxib 60		VD-27915-17	60mg	Viên nén bao phim		Uống	viên	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hòa	Việt Nam	Hộp 10 vi x 10 viên	830	19.500	16.185.000
---	---	------------	---------------	--	-------------	------	-------------------	--	------	------	-------------------------------------	----------	---------------------	-----	--------	------------

TỔNG CỘNG 1 16.185.000

TỔNG CỘNG 5 165.996.100

14 CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM VÂN LANG

Lô 1: Thuốc sản xuất trên dây chuyền sản xuất đạt tiêu chuẩn EU-GMP hoặc PIC/s-GMP tại cơ sở sản xuất thuộc nước tham gia ICH và Australia hoặc Thuốc sản xuất trên dây chuyền sản xuất đạt tiêu chuẩn WHO-GMP do Bộ Y tế Việt nam cấp giấy chứng nhận và được cơ quan quản lý quốc gia có thẩm quyền cấp phép lưu hành tại nước tham gia ICH hoặc Australia

1	30	Ceftazidim (dưới dạng Ceftazidim pentahydrat)	Ceftazidime Gerda 2g		VN-17905-14	2g	Bột pha tiêm		Tiêm	Lọ	LDP Laboratorios Torlan SA	Spain	Hộp 10 lọ 2g	111.300	2.500	278.250.000
2	31	Ceftriaxon (Dưới dạng Ceftriaxon natri)	Ceftriaxon Stragen 2g		VN-10108-10/VN-20720-17	2g	Bột pha dung dịch tiêm		Tiêm	Lọ	Mitim s.r.l	Italy	Hộp 10 lọ	96.500	1.500	144.750.000
3	89	Nefopam HCl	Nefolin		VN-18368-14	30mg	Viên nén		Uống	Viên	Medochemie LTD.,	Cyprus	Hộp 2 vi x 10 viên	5.250	6.960	36.540.000

TỔNG CỘNG 3 459.540.000

TỔNG CỘNG 3 459.540.000

Uly 8/35

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
BỆNH VIỆN CHẨN THƯƠNG CHÍNH HÌNH

KQ-5A1

STT	STT trong Hồ sơ mời thầu	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SĐK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Giá trúng thầu	Số lượng trúng thầu	Thành tiền
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)
15 CÔNG TY CPDP TENAMYD																
Lô 2: Thuốc sản xuất trên dây chuyền sản xuất đạt tiêu chuẩn EU-GMP hoặc PIC/s-GMP nhưng không thuộc nước tham gia ICH và Australia																
1	7	Cefazolin (dưới dạng cefazolin natri)	ZOLIFAST 2000		VD-23022-15	2g	Thuốc bột pha tiêm		Tiêm	Lọ	Công ty cổ phần dược phẩm Tenamyd	Việt Nam	Hộp 10 lọ	35.700	1.390	49.623.000
TỔNG CỘNG															1	49.623.000
TỔNG CỘNG															1	49.623.000
16 CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM SONG VIỆT																
Lô 3: Thuốc sản xuất trên dây chuyền sản xuất đạt tiêu chuẩn WHO-GMP được Bộ Y tế Việt Nam cấp giấy chứng nhận																
1	18	Calci carbonat + Cholecalciferol	CALSID 1250		VD-9759-09	750mg + 100IU	Viên nang mềm		Uống	Viên	Công ty liên doanh dược phẩm Mebiphar-Austraphar m	Việt Nam	Hộp 20 vỉ x 5 viên	900	126.000	113.400.000
TỔNG CỘNG															1	113.400.000
TỔNG CỘNG															1	113.400.000
17 CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM THIẾT BỊ Y TẾ HÀ NỘI																
Lô 1: Thuốc sản xuất trên dây chuyền sản xuất đạt tiêu chuẩn EU-GMP hoặc PIC/s-GMP tại cơ sở sản xuất thuộc nước tham gia ICH và Australia hoặc Thuốc sản xuất trên dây chuyền sản xuất đạt tiêu chuẩn WHO-GMP do Bộ Y tế Việt nam cấp giấy chứng nhận và được cơ quan quản lý quốc gia có thẩm quyền cấp phép lưu hành tại nước tham gia ICH hoặc Australia																
1	8	Albumin người	ALBUMINAR 25		VN-13414-11	25%	Dung dịch truyền tĩnh mạch	Chai/Lọ 50ml	Tiêm truyền	Chai	CSL Behring LLC	USA	Chai 50 ml	889.500	90	80.055.000
TỔNG CỘNG															1	80.055.000
Lô 2: Thuốc sản xuất trên dây chuyền sản xuất đạt tiêu chuẩn EU-GMP hoặc PIC/s-GMP nhưng không thuộc nước tham gia ICH và Australia																
2	5	Calcitriol	MEDITROL		VN-18020-14	0,25mcg	Viên nang mềm		Uống	Viên	Mega Lifescience s Public Company Ltd.	Thailand	Hộp 3 vỉ x 10 viên	2.600	5.700	14.820.000
3	13	Etoricoxib	NUCOXIA 90		VN-13085-11	90mg	Viên nén bao phim		Uống	Viên	Cadila Healthcare Ltd.	India	Hộp 10 vỉ x 10 viên	3.670	24.250	88.997.500

STT	STT trong Hồ sơ môi trường	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SĐK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Giá trúng thầu	Số lượng trúng thầu	Thành tiền
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)
TỔNG CỘNG															2	103.817.500
TỔNG CỘNG															3	183.872.500
19 CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM B.H.C																
Lô 1: Thuốc sản xuất trên dây chuyền sản xuất đạt tiêu chuẩn EU-GMP hoặc PIC/s-GMP tại cơ sở sản xuất thuộc nước tham gia ICH và Australia hoặc Thuốc sản xuất trên dây chuyền sản xuất đạt tiêu chuẩn WHO-GMP do Bộ Y tế Việt nam cấp giấy chứng nhận và được cơ quan quản lý quốc gia có thẩm quyền cấp phép lưu hành tại nước tham gia ICH hoặc Australia																
1	19	Calci carbonat + Vitamin D3	Briozcal		VN-12270-11	500mg calci, 125IU vitamin D3	Viên nén bao phim		Uống	viên	Lipa Pharmaceut icals Pty., Ltd	Australia	Hộp 3 vỉ x 10 viên	2.700	75.100	202.770.000
TỔNG CỘNG															1	202.770.000
TỔNG CỘNG															1	202.770.000
20 CÔNG TY CPDP AN THIÊN																
Lô 3: Thuốc sản xuất trên dây chuyền sản xuất đạt tiêu chuẩn WHO-GMP được Bộ Y tế Việt Nam cấp giấy chứng nhận																
1	20	Calci glycerophosphat + Magnesi gluconat	A.T Calmax	A.T Calmax	VD-26104-17	456mg + 426mg	Dung dịch uống	Ống 10ml	Uống	Ống 10ml	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên	Việt Nam	Hộp 30 ống nhựa x 10ml	1.764	79.550	140.326.200
2	37	Esomeprazol (dưới dạng Esomeprazol natri)	A.T Esomeprazol 40 inj		VD-24727-16	40mg	Bột đông khô pha tiêm		Tiêm	Lọ	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên	Việt Nam	Hộp 5 lọ thuốc + 5 ống dung môi 5ml (dung môi NaCl 0,9%)	15.960	100	1.596.000
3	47	Ibuprofen	A.T Ibuprofen syrup		VD-25631-16	100mg/5ml	Hỗn dịch uống	Chai 60ml	Uống	Chai	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên	Việt Nam	Hộp 1 chai 60ml	24.150	160	3.864.000
4	51	Kẽm (dưới dạng Kẽm gluconat)	Atizinc		VD-24740-16	10mg	Viên nén phân tán		Uống	Viên	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên	Việt Nam	Hộp 10 vỉ x 10 viên	284	3.600	1.022.400
5	62	Methyl prednisolon (dưới dạng Methyl prednisolon natri succinat)	Atisolu 125 inj		VD-25648-16	125mg	Bột đông khô pha tiêm		Tiêm	Lọ	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên	Việt Nam	Hộp 5 lọ + 5 ống dung môi 2ml	32.340	320	10.348.800

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
BỆNH VIỆN CHẤN THƯƠNG CHỈNH HÌNH

KQ-5A1

STT	STT trong Hồ sơ mời thầu	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SĐK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Giá trúng thầu	Số lượng trúng thầu	Thành tiền
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)
6	88	Pregabalin	Antivic 75		VD-26751-17	75mg	Viên nang cứng		Uống	Viên	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên	Việt Nam	Hộp 10 vi x 10 viên	1.491	6.000	8.946.000
7	90	Ranitidin (dưới dạng Ranitidin hydroclorid)	A.T Ranitidine inj		VD-24133-16	50mg/2ml	Dung dịch tiêm	Lọ/Ống 2ml	Tiêm	ống	Nhà máy sản xuất Dược Phẩm An Thiên	Việt Nam	Hộp 10 ống x 2ml	2.919	3.550	10.362.450
8	105	Tobramycin	A.T Tobramycine inj		VD-25637-16	80mg/2ml	Dung dịch tiêm	Lọ/Ống 2ml	Tiêm	ống	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên	Việt Nam	Hộp 10 ống x 2ml	8.799	1.000	8.799.000
9	110	Tranexamic acid	A.T Tranexamic inj		VD-25638-16	250mg/5ml	Dung dịch tiêm	Ống 5ml	Tiêm	ống	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên	Việt Nam	Hộp 10 ống x 5ml	2.856	2.480	7.082.880

TỔNG CỘNG 9 192.347.730

TỔNG CỘNG 9 192.347.730

21 CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC DANAPHA

Lô 3: Thuốc sản xuất trên dây chuyền sản xuất đạt tiêu chuẩn WHO-GMP được Bộ Y tế Việt Nam cấp giấy chứng nhận

1	63	Metoclopramid hydroclorid	Metoran	Metoran	VD-25093-16	10mg/2ml	Dung dịch tiêm	Ống 2ml	Tiêm	Ống	Công ty CP Dược Danapha	Việt Nam	Hộp 10 ống x 2ml	1.407	6.100	8.582.700
2	76	Papaverin hydroclorid	Papaverin 2%		VD-26681-17	40mg/2ml	Dung dịch tiêm	Ống 2ml	Tiêm	Ống	Công ty CP Dược Danapha	Việt Nam	Hộp 10 ống x 2ml	3.465	3.300	11.434.500
3	84	Vitamin K1	Vitamin K1 10mg/ml	Vitamin K1 10mg/1ml	VD-18191-13	10mg/1ml	Dung dịch tiêm	Ống 1ml	Tiêm bắp, tiêm truyền tĩnh mạch	Ống	Công ty CP Dược Danapha	Việt Nam	Hộp 10 ống x 1ml	1.890	3.400	6.426.000

TỔNG CỘNG 3 26.443.200

TỔNG CỘNG 3 26.443.200

24 CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM TỰ ĐỨC

Lô 1: Thuốc sản xuất trên dây chuyền sản xuất đạt tiêu chuẩn EU-GMP hoặc PIC/s-GMP tại cơ sở sản xuất thuộc nước tham gia ICH và Australia hoặc Thuốc sản xuất trên dây chuyền sản xuất đạt tiêu chuẩn WHO-GMP do Bộ Y tế Việt nam cấp giấy chứng nhận và được cơ quan quản lý quốc gia có thẩm quyền cấp phép lưu hành tại nước tham gia ICH hoặc Australia

Ước

STT	STT trong Hồ sơ mời thầu	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Giá trúng thầu	Số lượng trúng thầu	Thành tiền
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)
1	101	Paracetamol + Tramadol hydrochlorid	Paratramol		VN-18044-14	325mg + 37,5mg	Viên nén bao phim		Uống	Viên	Pharmaceutical Works Polpharma S.A	Poland	Hộp 6 vỉ x 10 viên	7.245	170.000	1.231.650.000
TỔNG CỘNG															1	1.231.650.000
TỔNG CỘNG															1	1.231.650.000
25 CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN TÂY ÂU																
Lô 1: Thuốc sản xuất trên dây chuyền sản xuất đạt tiêu chuẩn EU-GMP hoặc PIC/s-GMP tại cơ sở sản xuất thuộc nước tham gia ICH và Australia hoặc Thuốc sản xuất trên dây chuyền sản xuất đạt tiêu chuẩn WHO-GMP do Bộ Y tế Việt nam cấp giấy chứng nhận và được cơ quan quản lý quốc gia có thẩm quyền cấp phép lưu hành tại nước tham gia ICH hoặc Australia																
1	11	Ampicilin (dưới dạng ampicilin natri) + Sulbactam (dưới dạng sulbactam natri)	AMA POWER		VN-19857-16	Ampicilin (dưới dạng ampicilin natri) 1000mg + Sulbactam (dưới dạng sulbactam natri) 500mg	Bột pha tiêm		Tiêm	Lọ	S.C. Antibiotice S.A.	Romani	Hộp 50 lọ	62.000	53.890	3.341.180.000
TỔNG CỘNG															1	3.341.180.000
Lô 3: Thuốc sản xuất trên dây chuyền sản xuất đạt tiêu chuẩn WHO-GMP được Bộ Y tế Việt Nam cấp giấy chứng nhận																
2	14	Attapulgit, nhôm hydroxyd khô, magnesi carbonat	EUROPULGITE		VD-14848-11	Attapulgit 2500mg, nhôm hydroxyd khô 250mg, magnesi carbonat 250mg	Thuốc bột pha hỗn dịch uống		Uống	Gói	Công ty dược Trung Ương 3	Việt Nam	Hộp 30 gói x 3g	1.140	4.880	5.563.200
TỔNG CỘNG															1	5.563.200
TỔNG CỘNG															2	3.346.743.200
26 CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AGIMEXPHARM																
Lô 3: Thuốc sản xuất trên dây chuyền sản xuất đạt tiêu chuẩn WHO-GMP được Bộ Y tế Việt Nam cấp giấy chứng nhận																
1	43	Gabapentin	GAPTINEW		VD-27758-17	300mg	Viên nang cứng		Uống	Viên	Agimexpharm	Việt Nam	H/3 vỉ x 10 viên	575	37.400	21.505.000
2	61	Mephenesin	AGIDECOTYL 500		VD-25604-16	500mg	Viên nén bao phim		Uống	Viên	Agimexpharm	Việt Nam	H/2 vỉ x 12 viên	299	3.300	986.700

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
BỆNH VIỆN CHẤN THƯƠNG CHỈNH HÌNH

KQ-5A1

STT	STT trong Hồ sơ mời thầu	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SĐK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Giá trúng thầu	Số lượng trúng thầu	Thành tiền
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)
3	85	Povidone iodine	POVIDONE		VD-17882-12	10%	Dung dịch dùng ngoài	Chai/Lọ 90ml	Dùng ngoài	Chai	Agimexpharm	Việt Nam	Chai 90ml	7.950	4.150	32.992.500
4	91	Rifampicin	AGIFAMCIN 300		VD-14223-11	300mg	Viên nang		Uống	Viên	Agimexpharm	Việt Nam	H/10 vi x 10 viên	1.900	7.850	14.915.000
5	107	Tolperison hydroclorid	TOPEZONIS 50		VD-26094-17	50mg	Viên nén bao phim		Uống	Viên	Agimexpharm	Việt Nam	H/3 vi x 10 viên	268	35.950	9.634.600
TỔNG CỘNG															5	80.033.800
TỔNG CỘNG															5	80.033.800
27 CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM VÀ TRANG THIẾT BỊ Y TẾ HOÀNG DỨC																
Lô 1: Thuốc sản xuất trên dây chuyền sản xuất đạt tiêu chuẩn EU-GMP hoặc PIC/s-GMP tại cơ sở sản xuất thuộc nước tham gia ICH và Australia hoặc Thuốc sản xuất trên dây chuyền sản xuất đạt tiêu chuẩn WHO-GMP do Bộ Y tế Việt nam cấp giấy chứng nhận và được cơ quan quản lý quốc gia có thẩm quyền cấp phép lưu hành tại nước tham gia ICH hoặc Australia																
1	32	Celecoxib	Cofidex 200mg		VN-16821-13	200mg	Viên nang cứng		Uống	viên	Lek Pharmaceuticals d.d.	Slovenia	Hộp 2 vi x 10 viên	9.100	58.200	529.620.000
TỔNG CỘNG															1	529.620.000
TỔNG CỘNG															1	529.620.000
28 CÔNG TY TNHH TM DƯỢC PHẨM THIÊN THÈ																
Lô 2: Thuốc sản xuất trên dây chuyền sản xuất đạt tiêu chuẩn EU-GMP hoặc PIC/s-GMP nhưng không thuộc nước tham gia ICH và Australia																
1	26	Acid Ursodeoxycholic	SAVI URSO 300		VD-23009-15	300mg	Viên nén bao phim		Uống	Viên	Cty CP DP Savi	Việt Nam	Hộp 3 vi x 10 viên	8.350	3.750	31.312.500
2	27	Thiamin mononitrat + Pyridoxin HCl + Cyanocobaniamin	SAVI 3B		VD-16030-11	Thiamin mononitrat 100mg, pyridoxin HCl 100mg, cyanocobaniamin 0,15mg	Viên nén bao phim		Uống	Viên	Cty CP DP Savi	Việt Nam	Hộp 10 vi x 10 viên	1.495	160.000	239.200.000
TỔNG CỘNG															2	270.512.500
Lô 3: Thuốc sản xuất trên dây chuyền sản xuất đạt tiêu chuẩn WHO-GMP được Bộ Y tế Việt Nam cấp giấy chứng nhận																
3	17	Calci carbonat + Vitamin D3	DENSTRA		VD-13852-11	300mg 100IU	Viên nang mềm		Uống	Viên	Cty CP DP Phương Đông	Việt Nam	Hộp 10 vi x 10 viên	750	76.000	57.000.000
4	65	Nabumeton	MEBUFEN 750		VD-20234-13	750mg	Viên nén bao phim		Uống	Viên	Cty CP DP OPV	Việt Nam	Hộp 3 vi x 10 viên	5.140	6.100	31.354.000

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
BỆNH VIỆN CHẤN THƯƠNG CHỈNH HÌNH

KQ-5A1

STT	STT trong Hồ sơ mời thầu	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SĐK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Giá trúng thầu	Số lượng trúng thầu	Thành tiền
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)
5	114	Magnesi lactat dihydrat + vitamin B6	DEBOMIN		VD-22507-15	Magnesi lactat dihydrat 940mg + vitamin B6 10mg	Viên nén sủi		Uống	Viên	Cty CP DP Phương Đông	Việt Nam	Hộp 1 tuýp 10 viên	2.600	20.000	52.000.000
TỔNG CỘNG															3	140.354.000
TỔNG CỘNG															5	410.866.500
29 CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DƯỢC SÀI GÒN																
Lô 1: Thuốc sản xuất trên dây chuyền sản xuất đạt tiêu chuẩn EU-GMP hoặc PIC/s-GMP tại cơ sở sản xuất thuộc nước tham gia ICH và Australia hoặc Thuốc sản xuất trên dây chuyền sản xuất đạt tiêu chuẩn WHO-GMP do Bộ Y tế Việt nam cấp giấy chứng nhận và được cơ quan quản lý quốc gia có thẩm quyền cấp phép lưu hành tại nước tham gia ICH hoặc Australia																
1	58	Fentanil (dưới dạng fentanil citrate)	FENTANYL - HAMELN 50MCG/ML		VN-17326-13	50mcg/ml	Dung dịch tiêm	Ống 2ml	Tiêm	Ống	Siegfried Hameln GmbH	Đức	Hộp 10 ống x 2 ml	11.800	12.400	146.320.000
TỔNG CỘNG															1	146.320.000
Lô 3: Thuốc sản xuất trên dây chuyền sản xuất đạt tiêu chuẩn WHO-GMP được Bộ Y tế Việt Nam cấp giấy chứng nhận																
2	32	Diazepam	DIAZEPAM 5MG		VD-24311-16	5mg	Viên nén		Uống	Viên	CN công ty CPDP TW Vidipha tại Bình Dương	Việt Nam	Hộp 10 vỉ x 10 viên	164	45.800	7.511.200
3	104	Ticarcillin (dưới dạng Ticarcilin dinatri) + Acid Clavulanic (dưới dạng kali clavulanat)	VITICALAT		VD-19062-13	3g + 0,2g	Thuốc bột pha tiêm		Tiêm	Lọ	Công ty cổ phần dược phẩm VCP	Việt Nam	Hộp 1 lọ; Hộp 10 lọ	98.000	630	61.740.000
TỔNG CỘNG															2	69.251.200
TỔNG CỘNG															3	215.571.200
30 CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN VIMEDIMEX BÌNH DƯƠNG																
Lô 1: Thuốc sản xuất trên dây chuyền sản xuất đạt tiêu chuẩn EU-GMP hoặc PIC/s-GMP tại cơ sở sản xuất thuộc nước tham gia ICH và Australia hoặc Thuốc sản xuất trên dây chuyền sản xuất đạt tiêu chuẩn WHO-GMP do Bộ Y tế Việt nam cấp giấy chứng nhận và được cơ quan quản lý quốc gia có thẩm quyền cấp phép lưu hành tại nước tham gia ICH hoặc Australia																

Ulu

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
BỆNH VIỆN CHẤN THƯƠNG CHÍNH HÌNH

KQ-5A1

STT	STT trong Hồ sơ mời thầu	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SĐK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Giá trúng thầu	Số lượng trúng thầu	Thành tiền
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)
1	6	L-Isoleucine, L-Leucine, L-Lysine acetate, L-Methionine, L-Phenylalanine, L-Threonine, L-Tryptophan, L-Valine, L-Alanine, L-Arginine, L-Aspartic acid, L-Glutamic acid, L-Histidine, L-Proline ...	Neomamyu		VN-16106-13	6,1%	Dung dịch truyền tĩnh mạch	Túi 200ml	Truyền tĩnh mạch	Túi	Ay Pharmaceuticals Co., Ltd	Nhật	Túi 200ml	116.258	90	10.463.220
2	9	Acid Alendronic (dưới dạng natri alendronat trihydrat) + Vitamin D3 (dưới dạng vitamin D3 100.000IU/g)	Fosamax Plus 70mg/5600IU Tab.	Fosamax Plus 70mg/5600IU	VN-19253-15	70mg + 5600IU	Viên nén		Uống	Viên	Frosst Iberica, S.A	Tây Ban Nha	Hộp 1 vỉ x 4 viên	98.615	3.000	295.845.000
3	14	Betahistine dihydrochloride	Betaserc 16mg Tab.	Betaserc 16mg	VN-17206-13	16mg	Viên nén		Uống	Viên	Mylan Laboratorie s SAS	Pháp	Hộp 3 vỉ x 20 viên	1.986	350	695.100
4	15	Betamethasone dipropionate + Betamethasone sodium phosphate	Diprosan Injection 1ml	Diprosan Injection	VN-15551-12	6,43mg/ml + 2,63mg/ml	Hỗn dịch tiêm	Ống 1ml	Tiêm	Ống	Schering - Plough Labo N.V.	Bi	Hộp 1 ống 1ml	63.738	50	3.186.900
5	20	Magnesium gluconate + calcium glycerophosphate	Fatig Amp. 10ml	Fatig	VN-20359-17	Mỗi 10ml chứa: Magnesium gluconate 0,426g + calcium glycerophosphate 0,456g	Dung dịch uống	Ống 10ml	Uống	Ống	Pharmatis	Pháp	Hộp 2 vỉ x 10 ống	5.163	79.550	410.716.650
6	22	Calcitriol	Rocaltrol Cap. 0,25mcg	Rocaltrol (Cơ sở đóng gói: F.Hoffmann - La Roche Ltd., địa chỉ: CH-4303 Kaiseraugst, Switzerland)	VN-14167-11	0,25mcg	Viên nang mềm		Uống	Viên	Catalent Germany Eberbach GmbH	Đức	Hộp 3 vỉ x 10 viên	4.721	5.700	26.909.700
7	23	Cao Ginkgo biloba + Troxerutin + Heptaminol hydrochloride	Ginkor Fort		VN-16802-13	14mg+ 300mg + 300mg	Viên nang cứng		Uống	Viên	Beaufour Ipsen Industrie	Pháp	Hộp 3 vỉ x 10 viên	3.238	1.490	4.824.620
8	25	Cefazolin (dưới dạng Cefazolin natri)	Cefazolin Actavis 2g		VN-20642-17	2g	Bột pha dung dịch tiêm		Tiêm bắp/ tiêm tĩnh mạch	Lọ	Balkanpharma Razgrad AD	Bulgaria	Hộp 10 lọ	44.000	2.320	102.080.000

STT	STT trong Hồ sơ mời thầu	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SĐK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Giá trúng thầu	Số lượng trúng thầu	Thành tiền
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)
9	39	Desflurane	Suprane 100%/240ml B/1	Suprane	VN-17261-13	100%	Thuốc mê bay hơi (chất lỏng dùng để hít)	Chai 240ml	Dạng hít	Chai	Baxter Healthcare Corporation	Mỹ	Chai 240ml	2.700.000	20	54.000.000
10	52	Enoxaparin natri	Gemapaxane		VN-16313-13	6000IU/0,6ml	Dung dịch tiêm	Bơm tiêm 0,6ml	Tiêm	Bơm tiêm	Italfarmaco S.P.A.	Ý	Hộp 6 bơm tiêm	94.999	1.575	149.623.425
11	67	Ifosfamide	Holoxan 1g Inj B/1	Holoxan	VN-9945-10	1g	Bột pha tiêm		Tiêm	Lọ	Baxter Oncology GmbH	Đức	Hộp 1 lọ	401.000	1.350	541.350.000
12	68	Insulin người, rADN	Actrapid Inj. 100IU/ml x 10ml	Actrapid	QLSP-0598-12	100IU/ml	Dung dịch tiêm	Lọ 10ml	Tiêm	Lọ	Novo Nordisk A/S	Đan Mạch	Hộp 1 lọ x 10ml	101.000	40	4.040.000
13	78	Methylcobalamin	Methylcobal Injection 500µg		VN-20950-18	Mỗi 1ml dung dịch chứa: Methylcobalamin 500µg	Dung dịch tiêm	Ống 1ml	Tiêm	Ống	Nipro Pharma Corporation Ise Plant	Nhật	Hộp 10 ống x 1ml	33.075	500	16.537.500
14	79	Mesna	Uromitexan 400mg/4ml Inj B/15	Uromitexan	VN-10698-10	400mg/4ml	Dung dịch tiêm	Ống 4ml	Tiêm	Ống	Baxter Oncology GmbH	Đức	Hộp 15 ống x 4ml	36.243	2.000	72.486.000
15	88	Nefopam hydroclorid	Acupan	Acupan (Xuất xứ: Biocodex, địa chỉ: 1, Avenue Blaise Pascal-60000 Beauvais - France)	VN-18589-15	20mg	Dung dịch tiêm	Ống 2ml	Tiêm	Ống	Delpharm Tours	Pháp	Hộp 5 ống 2ml	33.000	2.500	82.500.000
16	93	Nicardipin hydroclorid	Nicardipine Aguettant 10mg/10ml	Nicardipine Aguettant 10mg/10ml	VN-19999-16	10mg/10ml	Dung dịch tiêm truyền tĩnh mạch	Ống 10ml	Tiêm truyền	Ống	Laboratoire Aguettant	Pháp	Hộp 10 ống x 10ml	124.999	50	6.249.950
TỔNG CỘNG															16	1.781.508.065
Lô 2: Thuốc sản xuất trên dây chuyền sản xuất đạt tiêu chuẩn EU-GMP hoặc PIC/s-GMP nhưng không thuộc nước tham gia ICH và Australia																
17	25	Acid tranexamic	Haemostop Inj 50mg/ml	Haemostop	VN-11014-10	50mg/ml	Dung dịch tiêm	Ống 5ml	Tiêm	Ống	PT. Novell Pharmaceutical Laboratories	Indonesia	Hộp 5 ống x 5ml	8.450	2.480	20.956.000
TỔNG CỘNG															1	20.956.000
TỔNG CỘNG															17	1.802.464.065

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
BỆNH VIỆN CHẤN THƯƠNG CHỈNH HÌNH

KQ-5A1

STT	STT trong Hồ sơ mời thầu	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SĐK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Giá trúng thầu	Số lượng trúng thầu	Thành tiền
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)
Lô 1: Thuốc sản xuất trên dây chuyền sản xuất đạt tiêu chuẩn EU-GMP hoặc PIC/s-GMP tại cơ sở sản xuất thuộc nước tham gia ICH và Australia hoặc Thuốc sản xuất trên dây chuyền sản xuất đạt tiêu chuẩn WHO-GMP do Bộ Y tế Việt nam cấp giấy chứng nhận và được cơ quan quản lý quốc gia có thẩm quyền cấp phép lưu hành tại nước tham gia ICH hoặc Australia																
1	5	Isoleucine ; Leucine; Lysine hydrochloride; Methionine; Phenylalanine; Threonine; Tryptophan; Valine; Arginine glutamate; Histidine hydrochloride monohydrate; Alanine; Aspartic acid; Glutamic acid; Glycine; Proline; Serine; Magnesium acetate tetrahydrate; Sodium acetate trihydrate; Sodium chloride; Sodium hydroxide; Potassium hydroxide; Potassium dihydrogen phosphate; Glucose monoglydrate; Calcium chloride dehydrate	Nutriflex Peri Sol. Bag 1000ml 5's	Nutriflex Peri	VN-18157-14	40g (Amino Acids) + 80g (Anhydrous Glucose)	Dung dịch truyền tĩnh mạch	Túi 2 ngăn 1000ml	Tiêm truyền	Túi	B.Braun Medical AG	Thụy Sĩ	Hộp 5 túi 1000ml	404.670	2.530	1.023.815.100
2	12	Attapulgit; Aluminum hydroxyde and magnesium carbonate	Gastropulgit 30's	Gastropulgit	VN-17985-14	2,5g + 0,5g	Bột pha hỗn dịch uống		Uống	Gói	Beaufour Ipsen Industrie	Pháp	Hộp 30 gói	3.053	4.880	14.898.640
3	17	Bisoprolol fumarate	Concor Tab 5mg 3x10'S	Concor 5mg	VN-17521-13	5mg	Viên nén bao phim		Uống	Viên	Merck KGaA	Đức	Hộp 3 vỉ x 10 viên	4.173	530	2.211.690
4	34	Clostridium botulinum type A toxin- Haemagglutinin complex 300U	Dysport Inj 300U 1's	Dysport	QLSP-1015-17	300 đơn vị	Bột pha dung dịch tiêm		Tiêm	Lọ	Ipsen Biopharma Limited	Anh	Hộp 1 lọ	4.800.940	20	96.018.800
5	35	Clostridium botulinum type A toxin - Haemagglutinin complex 500U	Dysport Inj 500U 1's	Dysport	QLSP-1016-17	500 đơn vị	Bột pha dung dịch tiêm		Tiêm	Lọ	Ipsen Biopharma Limited	Anh	Hộp 1 lọ	6.627.920	10	66.279.200
6	44	Natri diclofenac	Voltaren Tab 75mg 10x10's	Voltaren	VN-11972-11	75mg	Viên nén phóng thích chậm		Uống	Viên	Novartis Farma S.p.A	Ý	Hộp 10 vỉ x 10 viên	6.185	57.900	358.111.500

Y
VIỆN
CHẤN
THƯƠNG
CHỈNH
HÌNH
SỞ Y TẾ

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
BỆNH VIỆN CHẤN THƯƠNG CHỈNH HÌNH

KQ-5A1

STT	STT trong Hồ sơ mời thầu	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SĐK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Giá trúng thầu	Số lượng trúng thầu	Thành tiền
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)
7	47	Purified, micronized flavonoid fraction 500mg (450 mg diosmin; 50 mg flavonoid expressed as hesperidin)	Daflon (L) Tab 500mg 60's	Daflon	VN-15519-12	450mg; 50mg	Viên nén bao phim		Uống	Viên	Les Laboratoires Servier Industrie	Pháp	Hộp 4 vỉ x 15 viên	3.258	5.750	18.733.500
8	51	Doxorubicin Hydroclorid	Doxorubicin Ebewe Inj 10mg/5ml 1's	Doxorubicin "Ebewe"	VN-17426-13	2mg/ml	Dung dịch đậm đặc để pha dung dịch tiêm truyền	Lọ 5ml	Tiêm truyền tĩnh mạch	Lọ	Ebewe Pharma Ges.m.b.H. Nfg.KG	Áo	Hộp 1 lọ 5ml	98.478	630	62.041.140
9	55	Epirubicin hydrochloride	Epirubicin "Ebewe" inj 10mg/5ml 1's	Epirubicin "Ebewe"	VN-20037-16	2mg/ml	Dung dịch đậm đặc để pha thuốc tiêm truyền		Tiêm truyền tĩnh mạch	Lọ	Ebewe Pharma Ges.m.b.H. Nfg.KG	Áo	Hộp 1 lọ 5ml	210.000	500	105.000.000
10	56	Epirubicin hydrochloride	Epirubicin "Ebewe" Inj 50mg/25ml 1's	Epirubicin "Ebewe"	VN-20036-16	2mg/ml	Dung dịch đậm đặc để pha dung dịch tiêm truyền		Tiêm truyền tĩnh mạch	Lọ	Ebewe Pharma Ges.m.b.H. Nfg.KG	Áo	Hộp 1 lọ 25ml	580.952	140	81.333.280
11	57	Etomidate	Etomidate-Lipuro Inj 20mg/10ml Vial 10ml	Etomidate Lipuro	VN-10697-10	20mg/ 10ml	Nhũ dịch tiêm truyền	Ống 10ml	Tiêm truyền	Ống	B.Braun Melsungen AG	Đức	Ống thủy tinh 10ml	120.000	50	6.000.000
12	63	Gelatin khan (dưới dạng gelatin biến tính) + NaCl + Magnesi clorid hexahydrat + KCl + Natri lactat (dưới dạng dung dịch Natri (S)-lactat)	Geloplasma inj 500ml	Geloplasma	VN-19838-16	15g + 2,691g + 0,1525g + 0,1865g + 1,6800g	Dung dịch tiêm truyền	Túi Polyolefine (freeflex) 500ml	Tiêm truyền	Túi	Fresenius Kabi France	Pháp	Túi Polyolefine (freeflex) 500ml	110.000	370	40.700.000
13	75	Lidocain hydroclorid khan (dưới dạng Lidocain hydroclorid monohydrat)	Xylocaine Jelly Oin 2 % 30g 10's	Xylocaine Jelly	VN-19788-16	2%	Gel	Tuýp 30g	Dùng ngoài	Tuýp	Recipharm Karlskoga AB	Thụy Điển	Hộp 10 tuýp x 30g	55.600	1.100	61.160.000
14	85	Naftidofuryl hydrogen oxalate	Praxilene Tab 200mg 20's	Praxilene	VN-15544-12	200mg	Viên nén bao phim		Uống	Viên	Famar Lyon	Pháp	Hộp 2 vỉ x 10 viên	4.515	25.700	116.035.500
15	91	Medium-chain Triglycerides + Soya-bean oil	Lipofundin Met/Let 20 % 250ml 10's	Lipofundin MCT/LCT 20%	VN-16131-13	10,0g/100ml + 10,0g/100ml	Nhũ tương tiêm truyền	Chai/Túi 250ml	Tiêm truyền	Chai	B.Braun Melsungen AG	Đức	Hộp 10 chai thủy tinh 250ml	159.500	3.300	526.350.000

luc

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
BỆNH VIỆN CHẤN THƯƠNG CHỈNH HÌNH

KQ-5A1

STT	STT trong Hồ sơ mời thầu	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SĐK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Giá trúng thầu	Số lượng trúng thầu	Thành tiền
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)
16	92	Dầu đậu nành tinh chế; triglycerid mạch trung bình; dầu oliu tinh chế; dầu cá tinh chế	Smoflipid 20% Inf 100ml 1's	Smoflipid 20%	VN-19955-16	100ml nhũ tương chứa: dầu đậu nành tinh chế 6g; triglycerid mạch trung bình 6g; dầu oliu tinh chế 5g; dầu cá tinh chế 3g	Nhũ tương truyền tĩnh mạch	Chai/Túi 100ml	Truyền tĩnh mạch ngoại vi hoặc tĩnh mạch trung tâm	Chai	Fresenius Kabi Austria GmbH	Áo	Chai 100ml	98.000	180	17.640.000
17	106	Propofol	Propofol-Lipuro 0.5% Inj. 20ml 5's	Propofol-Lipuro 0.5 % (5mg/ml)	VN-13505-11	5mg/ml	Nhũ tương tiêm	Lọ/Ống 20ml	Tiêm truyền	Ống	B.Braun Melsungen AG	Đức	Hộp 5 ống tiêm 20ml	103.950	230	23.908.500
18	107	Propofol - Lipuro 10mg/ml MCT& LCT, 20ml	Propofol-Lipuro 1% (10mg/ml) 20ml 1's	Propofol-Lipuro 1 % (10mg/ml)	VN-5720-10	10mg/ml	Nhũ tương để tiêm hoặc truyền	Lọ/Ống 20ml	Tiêm truyền	Ống	B.Braun Melsungen AG	Đức	ống 20 ml	39.500	4.940	195.130.000
19	111	Rocuronium Bromide	Rocuronium Kabi 10mg/ml Inj 10x5ml	Rocuronium Kabi 10mg/ml	VN-18303-14	10mg/ml	Dung dịch tiêm, truyền tĩnh mạch	Lọ/Ống 5ml	Truyền tĩnh mạch	Lọ	Fresenius Kabi Austria GmbH	Áo	Hộp 10 lọ 5ml	64.000	1.200	76.800.000
20	112	Salbutamol (dưới dạng Salbutamol sulfate)	Ventolin Neb Sol 2.5mg/2.5ml 6x5's	Ventolin Nebules	VN-11572-10, VN-20765-17	2,5mg/2,5ml	Dung dịch khí dung	Ống 2,5ml	Dùng cho máy khí dung	Ống	GlaxoSmith Kline Australia Pty Ltd	Úc	Hộp 6 vi x 5 ống 2,5ml	4.575	1.300	5.947.500
21	117	Poly (O-2-hydroxyethyl) starch (HES 130/0,4); Natri acetat trihydrate; Natri clorid; Kali clorid; Magnesi clorid hexahydrat	Volulyte IV 6% 1's	Volulyte 6%	VN-19956-16	Mỗi túi 500ml chứa: Poly (O-2-hydroxyethyl) starch (HES 130/0,4) 30g; Natri acetat trihydrate 2,315g; Natri clorid 3,01g; Kali clorid 0,15g; Magnesi clorid hexahydrat 0,15g	Dung dịch truyền	Chai/Túi 500ml	Tiêm truyền	Túi	Fresenius Kabi Deutschland GmbH	Đức	Túi Polyolefine (freccflex) 500ml	90.000	393	35.370.000
22	125	Acid Zoledronic (dưới dạng acid zoledronic monohydrat)	Aclasta 5mg/100ml Inf 100ml 1's	Aclasta	VN-19294-15	5mg/100ml	Dung dịch truyền tĩnh mạch	Chai 100ml	Tiêm	Chai	Novartis Pharma Stein AG	Thụy Sĩ	Hộp 1 chai 100ml	6.761.489	53	358.358.917
TỔNG CỘNG															22	3.291.843.267

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
BỆNH VIỆN CHẤN THƯƠNG CHỈNH HÌNH

KQ-5A1

STT	STT trong Hồ sơ mời thầu	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SĐK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Giá trúng thầu	Số lượng trúng thầu	Thành tiền
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)

Lô 2: Thuốc sản xuất trên dây chuyền sản xuất đạt tiêu chuẩn EU-GMP hoặc PIC/s-GMP nhưng không thuộc nước tham gia ICH và Australia

23	14	Succinylated Gelatin (Modified fluid gelatin); Sodium clorid; Sodium hydroxid	Gelofusine 20g/ 500ml 500ml 10's	Gelofusine	VN-20882-18	Mỗi 500ml chứa: Succinylated Gelatin (Modified fluid gelatin) 20,0g; Sodium clorid 3,505g; Sodium hydroxid 0,68g	Dung dịch tiêm truyền	Chai 500ml	Tiêm truyền	Chai nhựa	B.Braun Medical Industries Sdn. Bhd	Malaysia	Hộp 10 chai plastic 500ml	116.000	370	42.920.000
24	22	Rocuronium Bromide	Rocuronium Kabi 10mg/ml Inj 10x5ml	Rocuronium Kabi 10mg/ml	VN-18303-14	10mg/ml	Dung dịch tiêm, truyền tĩnh mạch	Lọ/Ống 5ml	Truyền tĩnh mạch	Lọ	Fresenius Kabi Austria GmbH	Áo	Hộp 10 lọ 5ml	64.000	900	57.600.000
25	24	Poly (O-2-hydroxyethyl) starch (HES 130/0,4); Natri acetat trihydrate; Natri clorid; Kali clorid; Magnesi clorid hexahydrat	Volulyte IV 6% 1's	Volulyte 6%	VN-19956-16	Mỗi túi 500ml chứa: Poly (O-2-hydroxyethyl) starch (HES 130/0,4) 30g; Natri acetat trihydrate 2,315g; Natri clorid 3,01g; Kali clorid 0,15g; Magnesi clorid hexahydrat 0,15g	Dung dịch tiêm truyền	Chai/Túi 500ml	Tiêm truyền	Túi	Fresenius Kabi Deutschland GmbH	Đức	Túi Polyolefine (freeflex 500ml)	90.000	160	14.400.000

TỔNG CỘNG **3** **114.920.000**

Lô 3: Thuốc sản xuất trên dây chuyền sản xuất đạt tiêu chuẩn WHO-GMP được Bộ Y tế Việt Nam cấp giấy chứng nhận

26	3	Các acid amin	Aminosteril Sol 10% 250ml 1's	Aminosteril 10%	VD-19242-13	10%	Dung dịch tiêm truyền	Chai/Túi 250ml	Tiêm truyền tĩnh mạch (IV)	Chai	Công ty CP Fresenius Kabi Bidiphar	Việt Nam	Chai 250ml	72.000	64	4.608.000
27	4	Các acid amin	Aminosteril sol 10% 500ml 1's	Aminosteril 10%	VD-19242-13	10%	Dung dịch tiêm truyền	Chai/Túi 500ml	Tiêm truyền tĩnh mạch (IV)	Chai	Công ty CP Fresenius Kabi Bidiphar	Việt Nam	Chai 500ml	82.000	120	9.840.000

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
BỆNH VIỆN CHẤN THƯƠNG CHÍNH HÌNH

KQ-5A1

STT	STT trong Hồ sơ mời thầu	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SĐK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Giá trúng thầu	Số lượng trúng thầu	Thành tiền
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)
TỔNG CỘNG															2	14.448.000
33 CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DƯỢC PHẨM NAM KHANG															TỔNG CỘNG	27
Lô 2: Thuốc sản xuất trên dây chuyền sản xuất đạt tiêu chuẩn EU-GMP hoặc PIC/s-GMP nhưng không thuộc nước tham gia ICH và Australia																
1	3	Ampicillin (dưới dạng Ampicillin Natri) + Sulbactam (dưới dạng sulbactam natri)	AUROPENNZ 1.5		VN-17643-14	Ampicillin (dưới dạng Ampicillin Natri) 1g + Sulbactam (dưới dạng sulbactam natri) 0,5g	Bột pha tiêm		Tiêm	Lọ	Aurobindo Pharma Ltd.	India	Hộp 1 lọ + 1 ống nước pha tiêm 5ml	34.020	35.930	1.222.338.600
TỔNG CỘNG															1	1.222.338.600
34 CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM AN															TỔNG CỘNG	1
Lô 3: Thuốc sản xuất trên dây chuyền sản xuất đạt tiêu chuẩn WHO-GMP được Bộ Y tế Việt Nam cấp giấy chứng nhận																
1	26	Celecoxib	Devitoc 100mg		VD-19426-13	100mg	Viên nén sủi		Uống	Viên	Công ty cổ phần DP Phương Đông	Việt Nam	Tuýp 20 viên	3.590	62.950	225.990.500
2	30	Dexibuprofen	Philrogam		VD-9849-09	300mg	Viên nang mềm		Uống	Viên	Công ty TNHH Phil Inter Pharma	Việt Nam	Hộp 10 vỉ x 10 viên	2.320	63.300	146.856.000
TỔNG CỘNG															2	372.846.500
Lô 4: Thuốc có chứng minh tương đương sinh học do Bộ Y tế công bố																
3	1	Aceclofenac	Clanzaer		VN-15948-12	200mg	Viên nén bao phim phóng thích có kiểm soát		Uống	Viên	Korea United Pharm. Inc.	Hàn Quốc	Hộp 3 vỉ x 10 viên	6.900	24.900	171.810.000
TỔNG CỘNG															1	171.810.000
36 CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM MINH DÂN															TỔNG CỘNG	3
Lô 3: Thuốc sản xuất trên dây chuyền sản xuất đạt tiêu chuẩn WHO-GMP được Bộ Y tế Việt Nam cấp giấy chứng nhận																

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
BỆNH VIỆN CHẨN THƯƠNG CHÍNH HÌNH

KQ-5A1

STT	STT trong Hồ sơ mời thầu	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SĐK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Giá trúng thầu	Số lượng trúng thầu	Thành tiền
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)
1	19	Calci clorid dihydrat	Calci clorid 500mg/ 5ml		VD-22935-15	500mg/5ml	Dung dịch tiêm	Ống 5ml	Tiêm	Ống	Công ty CPDP Minh Dân	Việt Nam	Hộp 50 ống x 5ml	988	3.000	2.964.000
2	23	Cefazolin (dưới dạng Cefazolin natri)	Cephazomid 2g		VD-22187-15	2g	Bột pha tiêm		Tiêm	Lọ	Công ty CPDP Minh Dân	Việt Nam	Hộp 1 lọ	29.150	930	27.109.500
3	97	Sulfamethoxazol + Trimethoprim	Cotrimoxazol 480mg		VD-24799-16	400mg + 80mg	Viên nén		Uống	Viên	Công ty CPDP Minh Dân	Việt Nam	Hộp 20 vi x 20 viên	389	780	303.420
4	98	Sultamicilin (dưới dạng Sultamicilin tosilat dihydrat)	Midactam 375		VD-26900-17	375mg	Viên nén bao phim		Uống	Viên	Công ty CPDP Minh Dân	Việt Nam	Hộp 1 túi x 1 vi x 10 viên	3.898	26.750	104.271.500
TỔNG CỘNG															4	134.648.420
Lô 4: Thuốc có chứng minh tương đương sinh học do Bộ Y tế công bố																
5	2	Cefixim (dưới dạng Cefixim trihydrat)	Midefix 200		VD-27952-17	Mỗi gói 2,8g thuốc bột chứa Cefixim (dưới dạng Cefixim trihydrat) 200mg	Thuốc bột pha hỗn dịch uống		Uống	Gói	Công ty CPDP Minh Dân	Việt Nam	Hộp 10 gói x 2,8g	6.800	5.000	34.000.000
TỔNG CỘNG															1	34.000.000
TỔNG CỘNG															5	168.648.420

37 CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM TUỆ HAI
Lô 1: Thuốc sản xuất trên dây chuyền sản xuất đạt tiêu chuẩn EU-GMP hoặc PIC/s-GMP tại cơ sở sản xuất thuốc nước tham gia ICH và Australia hoặc Thuốc sản xuất trên dây chuyền sản xuất đạt tiêu chuẩn WHO-GMP do Bộ Y tế Việt nam cấp giấy chứng nhận và được cơ quan quản lý quốc gia có thẩm quyền cấp phép lưu hành tại nước tham gia ICH hoặc Australia

Uly

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
BỆNH VIỆN CHẨN THƯƠNG CHÌNH HÌNH

KQ-5A1

STT	STT trong Hồ sơ mời thầu	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Giá trúng thầu	Số lượng trúng thầu	Thành tiền
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)
1	4	Mỗi 250ml chứa: Isoleucine 0,625g; Leucine 1,1125g; Lysine (dưới dạng lysine HCl) 0,8575g; Methionine 0,55g; Phenylalanine 0,5875g; Threonine 0,525g; Tryptophan 0,20g; Valine 0,775g; Arginine 1,4375g; Histidine 0,375g; Alanine 1,3125g; Glycine 1,50g; Aspartic acid 0,70g; Glutamic acid 0,90g; Proline 0,6875g; Serine 0,2875g; Tyrosine 0,10g; Sodium acetate trihydrate 0,34025g; Sodium hydroxide 0,035g; Potassium acetate 0,61325g; Sodium chloride 0,241g; Magnesium chloride hexahydrate 0,127g; Disodium phosphate dodecahydrate 0,89525g.	Aminoplasmal B.Braun 5% E	Aminoplasmal B.Braun 5% E	VN-18161-14	5%	Dung dịch truyền tĩnh mạch	Chai/Túi 250ml	Tiêm	Chai	B.Braun Melsungen AG	Đức	Hộp 10 chai 250ml	67.500	50	3.375.000
2	110	Natri chloride 3.4g/500ml; Kali chloride 0.15g/500ml; Calci chlorid dihydrate 0.19g/500ml; Natri acetate trihydrate 1.64g/500ml; Magnesi chloride hexahydrate 0.1g/500ml; L-Malic acid 0.34g/500ml	Ringerfundin Inj	Ringerfundin	VN-18747-15		Dung dịch tiêm truyền	Chai/Túi 500ml	Tiêm	Chai	B.Braun Melsungen AG	Đức	Hộp 10 chai 500ml	19.950	2.500	49.875.000
TỔNG CỘNG															2	53.250.000
TỔNG CỘNG															2	53.250.000
38 CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA-DƯỢC PHẨM MEKOPHAR																
Lô 3: Thuốc sản xuất trên dây chuyền sản xuất đạt tiêu chuẩn WHO-GMP được Bộ Y tế Việt Nam cấp giấy chứng nhận																

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

KQ-5A1

BỆNH VIỆN CHẨN THƯƠNG CHỈNH HÌNH

STT	STT trong Hồ sơ môi trường	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SĐK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Giá trúng thầu	Số lượng trúng thầu	Thành tiền
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)
1	33	Diclofenac sodium	Diclofenac 75mg		VD-17672-12	75mg	Viên bao phim tan trong ruột		Uống	Viên	Công ty Cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	Việt Nam	Hộp 3 vỉ x 10 viên	328	23.200	7.609.600
2	39	Ethambutol HCl	Ethambutol 400mg		VD-15517-11	400mg	Viên bao phim		Uống	Viên	Công ty Cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	Việt Nam	Hộp 20 vỉ x 10 viên	1.035	6.150	6.365.250
3	49	Isoniazid	Meko INH 150		VD-15523-11	150mg	Viên nén		Uống	Viên	Công ty Cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	Việt Nam	Hộp 1 chai 100 viên	167	8.400	1.402.800
4	89	Pyrazinamid	Pyrazinamide 500mg		VD-24414-16	500mg	Viên nén		Uống	Viên	Công ty Cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	Việt Nam	Hộp 10 vỉ x 10 viên	542	7.100	3.848.200
5	92	Sodium chloride + Potassium chloride + Calcium chloride dihydrate + Sodium acetate trihydrate	Acetate Ringer		VD-15871-11		Dung dịch tiêm truyền tĩnh mạch	Chai/Túi 500ml	Tiêm truyền	Chai	Công ty Cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	Việt Nam	Chai 500ml	16.000	2.500	40.000.000

TỔNG CỘNG 5 59.225.850

TỔNG CỘNG 5 59.225.850

39 CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ DOMESCO

Lô 3: Thuốc sản xuất trên dây chuyền sản xuất đạt tiêu chuẩn WHO-GMP được Bộ Y tế Việt Nam cấp giấy chứng nhận

1	22	Cao ginkgo biloba + Heptaminol hydroclorid + Troxerutin	Dopolys-S		VD-19629-13	14mg 300mg 300mg	+ Viên nang cứng		Uống	Viên	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco	Việt Nam	Hộp 3 vỉ x 10 viên	2.577	1.490	3.839.730
2	55	Lisinopril (dưới dạng lisinopril dihydrat)	Dorotril 10mg		VD-23899-15	10mg	Viên nén		Uống	Viên	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco	Việt Nam	Hộp 2 vỉ x 14 viên	588	1.750	1.029.000
3	58	Bột hạt malva + Xanh methylen + Camphor monobromid	Domitazol	Domitazol	VD-22627-15	250mg 25mg 20mg	+ Viên nén bao đường		Uống	Viên	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco	Việt Nam	Hộp 5 vỉ x 10 viên	920	2.850	2.622.000
4	102	Thiocolchicosid	Donstyl 4 mg		VD-25423-16	4mg	Viên nén		Uống	Viên	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco	Việt Nam	Hộp 10 vỉ x 10 viên	1.785	5.200	9.282.000

vlu 24/35

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
BỆNH VIỆN CHẨN THƯƠNG CHỈNH HÌNH

KQ-5A1

STT	S TT trong Hồ sơ môi thầu	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SĐK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Giá trúng thầu	Số lượng trúng thầu	Thành tiền
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)
TỔNG CỘNG															4	16.772.730
Lô 4: Thuốc có chứng minh tương đương sinh học do Bộ Y tế công bố																
5	5	Trimetazidin dihydroclorid	Dozidine MR 35mg	Dozidine MR 35mg	VD-22629-15	35mg	Viên nén bao phim phòng thích chạm		Uống	Viên	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco	Việt Nam	Hộp 6 vỉ x 10 viên	430	330	141.900
TỔNG CỘNG															1	141.900
TỔNG CỘNG															5	16.914.630
40 CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG																
Lô 3: Thuốc sản xuất trên dây chuyền sản xuất đạt tiêu chuẩn WHO-GMP được Bộ Y tế Việt Nam cấp giấy chứng nhận																
1	1	Acetylcystein	Acetylcystein		VD-21827-14	200mg	Thuốc bột uống		Uống	gói	Công ty CPDP Cửu Long	Việt Nam	Hộp 100 gói x 1g	420	6.200	2.604.000
2	16	Calci carbonat + calci lactat gluconat	Calcium VPC 500		VD-26778-17	300mg + 2940mg	Viên nén sủi bọt		Uống	viên	Công ty CPDP Cửu Long	Việt Nam	Hộp 1 tuýp 20 viên	1.235	195.700	241.689.500
3	27	Celecoxib	Vicoxib 200		VD-19336-13	200mg	Viên nang cứng		Uống	viên	Công ty CPDP Cửu Long	Việt Nam	Hộp 3 vỉ x 10 viên	379	38.800	14.705.200
4	60	Mephenesin	Detracyl 250		VD-20186-13	250mg	Viên nén bao đường		Uống	viên	Công ty CPDP Cửu Long	Việt Nam	Hộp 10 vỉ x 20 viên	130	81.000	10.530.000
5	82	Paracetamol + codein phosphat hemihydrat	Panalganefter Codein		VD-17903-12	500mg + 30mg	Viên nén sủi bọt		Uống	viên	Công ty CPDP Cửu Long	Việt Nam	Hộp 4 vỉ x 4 viên	1.215	20.900	25.393.500
TỔNG CỘNG															5	294.922.200
TỔNG CỘNG															5	294.922.200
41 CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CODUPHA																
Lô 1: Thuốc sản xuất trên dây chuyền sản xuất đạt tiêu chuẩn EU-GMP hoặc PIC/s-GMP tại cơ sở sản xuất thuộc nước tham gia ICH và Australia hoặc Thuốc sản xuất trên dây chuyền sản xuất đạt tiêu chuẩn WHO-GMP do Bộ Y tế Việt nam cấp giấy chứng nhận và được cơ quan quản lý quốc gia có thẩm quyền cấp phép lưu hành tại nước tham gia ICH hoặc Australia																
1	82	Midazolam (dưới dạng Midazolam HCl)	Paciflam		VN-19061-15	5mg/ml	Dung dịch tiêm	Ống 1ml	Tiêm	Ống	Hameln Pharmaceuticals GmbH	Germany	Hộp 10 ống 1ml	18.480	12.400	229.152.000

STT	STT trong Hồ sơ mời thầu	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Giá trúng thầu	Số lượng trúng thầu	Thành tiền
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)
2	115	Sufentanil (dưới dạng Sufentanil citrat)	Sufentanil-hameln 50mcg/ml		VN-20250-17	50mcg/ml	Dung dịch tiêm	Ống 1ml	Tiêm	Ống	Hameln Pharmaceuticals GmbH	Germany	Hộp 10 ống 1ml	44.940	1.800	80.892.000
3	121	Tranexamic acid	Medsamic 250mg/5ml		VN-20801-17	250mg/5ml	Dung dịch tiêm	Ống 5ml	Tiêm	Ống	Medochemics Ltd - Nhà máy thuốc tiêm ống	Cyprus	Hộp 2 vi x 5 ống	9.430	3.720	35.079.600
TỔNG CỘNG															3	345.123.600
Lô 2: Thuốc sản xuất trên dây chuyền sản xuất đạt tiêu chuẩn EU-GMP hoặc PIC/s-GMP nhưng không thuộc nước tham gia ICH và Australia																
4	8	Celecoxib	Celofin 200		VN-19973-16	200mg	Viên nang cứng		Uống	Viên	Hetero Lab Limited	India	Hộp 3 vi x 10 viên	850	38.800	32.980.000
TỔNG CỘNG															1	32.980.000
Lô 3: Thuốc sản xuất trên dây chuyền sản xuất đạt tiêu chuẩn WHO-GMP được Bộ Y tế Việt Nam cấp giấy chứng nhận																
5	6	Mỗi 200ml chứa: L-arginin HCL, L-histidine HCL.H2O, L-methionine, L-phenylalanine, L-threonine, L-valine, Glycin, L-lysine HCL, L-tryptophan, L-leucine, L-isoleucine, L-proline, L-serin, L-alanine, L-cystein HCL.H2O	Aminoleban	Aminoleban	VD-27298-17	1.46g + 0.64g + 0.2g + 0.2g + 0.9g + 1.68g + 1.8g + 1.52g + 0.14g + 2.2g + 1.8g + 1.6g + 1g + 1.5g + 0.08g.	Dung dịch tiêm truyền tĩnh mạch	Chai/Túi 500ml	Tiêm	Chai	Công ty cổ phần Otsuka OPV	Việt Nam	Chai 500ml	154.000	60	9.240.000
6	46	Globulin kháng độc tố uốn ván	Huyết thanh kháng độc tố uốn ván tinh chế (SAT)		QLSP-1037-17	1500 đvqt	Dung dịch tiêm	Lọ/Ống 1ml	Tiêm	ống	Viện Vắc Xin Và Sinh Phẩm Y Tế (IVAC)	Việt Nam	Hộp 20 ống, hai vi x 1500 đvqt	22.943	13.200	302.847.600
7	64	Morphin hydroclorid	Morphin (Morphin hydroclorid 10mg/ml)		VD-24315-16	10mg/ml	Dung dịch tiêm	Ống 1ml	Tiêm	Ống	Chi nhánh Công ty cổ phần dược phẩm trung ương Vidipha tại Bình Dương	Việt Nam	Hộp 10 ống x 1ml; hộp 25 ống x 1ml	4.200	2.300	9.660.000
8	69	Natri clorid	Sodium chloride 0,9%		VD-24019-15	0,9g/100ml	Dung dịch tiêm truyền tĩnh mạch	Chai/Túi 500ml	Tiêm	Chai	Công ty cổ phần Otsuka OPV	Việt Nam	Chai 500ml	8.000	165.500	1.324.000.000

vll

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
BỆNH VIỆN CHẤN THƯƠNG CHỈNH HÌNH

KQ-5A1

STT	STT trong Hồ sơ mời thầu	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SĐK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Giá trúng thầu	Số lượng trúng thầu	Thành tiền
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)
9	73	Mỗi 500 ml chứa: Natri clorid; Kali clorid; Monobasic kali phosphat; Natri acetat.3H ₂ O; Magne sulfat.7H ₂ O; Kẽm sulfat.7H ₂ O; Dextrose Anhydrous	Glucolyte-2	Glucolyte-2	VD-25376-16	Mỗi 500ml chứa: Acetate 5mEq, Cl- 38.5mEq, Dextrose 37.5g, K+ 10mEq, Mg2+ 2.5mEq, Na+ 38.5mEq, Phosphat 5mmol, Sulfat 2.5mEq, Zn2+ 0,04mEq	Dung dịch tiêm truyền tĩnh mạch	Chai 500ml	Tiêm	Chai	Công ty cổ phần Otsuka OPV	Việt Nam	Chai 500ml	17.000	3.000	51.000.000
10	108	Tramadol hydroclorid	Privagin		VD-19966-13	100mg/2ml	Dung dịch tiêm	Ống 2ml	Tiêm	Ống	Chi nhánh Công ty cổ phần được phẩm trung ương Vidipha	Việt Nam	Hộp 5 ống x 2ml, hộp 10 ống x 2ml, hộp 25 ống x 2ml	6.995	7.000	48.965.000

TỔNG CỘNG 6 1.745.712.600

TỔNG CỘNG 10 2.123.816.200

42 CÔNG TY CỔ PHẦN GON SA

Lô 3: Thuốc sản xuất trên dây chuyền sản xuất đạt tiêu chuẩn WHO-GMP được Bộ Y tế Việt Nam cấp giấy chứng nhận

1	15	Calci gluconolactat + Calci carbonat	GONCAL		VD-20946-14	1,47g + 0,15g	Viên nén		Uống	Viên	Công ty cổ phần được phẩm Đạt Vĩ Phú	Việt Nam	Hộp 60 viên	1.890	63.330	119.693.700
2	21	Calcium lactat pentahydrat	CLIPOXID-300		VD-19652-13	300mg	Viên nén		Uống	Viên	Công ty cổ phần được phẩm Đạt Vĩ Phú	Việt Nam	Hộp 6 vi x 10 viên nén	1.800	126.600	227.880.000
3	40	Etoricoxib	MAGRAX-F		VD-19172-13	120mg	Viên nén bao phim		Uống	Viên	Công ty cổ phần được phẩm Đạt Vĩ Phú	Việt Nam	Hộp 3 vi x 10 viên	2.290	9.380	21.480.200
4	52	Ketorolac tromethamin	KOZERAL		VD-18511-13	10mg	Viên nén bao phim		Uống	Viên	Công ty cổ phần được phẩm Đạt Vĩ Phú	Việt Nam	Hộp 6 vi x 10 viên	1.500	2.560	3.840.000

STT	STT trong Hồ sơ môi trường	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Giá trúng thầu	Số lượng trúng thầu	Thành tiền
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)
5	100	Telmisartan	ZHEKOF		VD-21070-14	40mg	Viên nén		Uống	Viên	Công ty cổ phần dược phẩm Đạt Vi Phú	Việt Nam	Hộp 3 vi x 10 viên	625	950	593.750

TỔNG CỘNG 5 373.487.650

Lô 5: Thuốc không đáp ứng các tiêu chí của các lô 1, 2, 3 và 4

6	1	Etoricoxib	MAGRAX-F		VD-19172-13	120mg	Viên nén bao phim		Uống	Viên	Công ty cổ phần dược phẩm Đạt Vi Phú	Việt Nam	Hộp 3 vi x 10 viên	2.290	7.000	16.030.000
---	---	------------	----------	--	-------------	-------	-------------------	--	------	------	--------------------------------------	----------	--------------------	-------	-------	------------

TỔNG CỘNG 1 16.030.000

TỔNG CỘNG 6 389.517.650

43 CÔNG TY CỔ PHẦN PYMEPHARCO

Lô 2: Thuốc sản xuất trên dây chuyền sản xuất đạt tiêu chuẩn EU-GMP hoặc PIC/s-GMP nhưng không thuộc nước tham gia ICH và Australia

1	6	Cefaclor (dưới dạng cefaclor monohydrat)	SCD Cefaclor 250mg		VD-26433-17	250mg	Viên nang cứng		Uống	Viên	Công ty cổ phần Pymepharc o	Việt Nam	Hộp 2 vi x 10 viên	3.620	2.200	7.964.000
---	---	--	--------------------	--	-------------	-------	----------------	--	------	------	-----------------------------	----------	--------------------	-------	-------	-----------

TỔNG CỘNG 1 7.964.000

TỔNG CỘNG 1 7.964.000

44 CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Lô 1: Thuốc sản xuất trên dây chuyền sản xuất đạt tiêu chuẩn EU-GMP hoặc PIC/s-GMP tại cơ sở sản xuất thuộc nước tham gia ICH và Australia hoặc Thuốc sản xuất trên dây chuyền sản xuất đạt tiêu chuẩn WHO-GMP do Bộ Y tế Việt nam cấp giấy chứng nhận và được cơ quan quản lý quốc gia có thẩm quyền cấp phép lưu hành tại nước tham gia ICH hoặc Australia

1	7	Cao khô hạt dê ngựa (Aesculus hippocastanum)	Venosan retard		VN-14566-12	Cao khô hạt dê ngựa (Aesculus hippocastanum) 263,2mg	Viên nén bao phim phóng thích ruột		Uống	Viên	Dr. Willmar Schwabe GmbH & Co. KG	Germany	Hộp 10 vi, 2 vi x 10 viên	4.200	130.000	546.000.000
2	83	Monobasic Sodium phosphat + Dibasic Sodium phosphat	Fleet Enema		VN-9933-10	19g + 7g/118ml	Dung dịch thụt trực tràng	Chai 133ml	Bơm hậu môn	Chai	C.B. Fleet Company Inc.	USA	Hộp 1 chai dung tích 133ml	57.500	540	31.050.000

TỔNG CỘNG 2 577.050.000

Lô 2: Thuốc sản xuất trên dây chuyền sản xuất đạt tiêu chuẩn EU-GMP hoặc PIC/s-GMP nhưng không thuộc nước tham gia ICH và Australia

Ước

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
BỆNH VIỆN CHẤN THƯƠNG CHỈNH HÌNH

KQ-5A1

STT	STT trong Hồ sơ môi thầu	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Giá trúng thầu	Số lượng trúng thầu	Thành tiền
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)
3	21	Pregabalin	Axogurd 75		VN-18605-15	75mg	Viên nang cứng		Uống	Viên	MSN Laboratoire Private Limited	India	Hộp 3 vi x 10 viên	2.900	6.000	17.400.000
TỔNG CỘNG															1	17.400.000
45 CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CPC1															3	594.450.000
Lô 1: Thuốc sản xuất trên dây chuyền sản xuất đạt tiêu chuẩn EU-GMP hoặc PIC/s-GMP tại cơ sở sản xuất thuộc nước tham gia ICH và Australia hoặc Thuốc sản xuất trên dây chuyền sản xuất đạt tiêu chuẩn WHO-GMP do Bộ Y tế Việt nam cấp giấy chứng nhận và được cơ quan quản lý quốc gia có thẩm quyền cấp phép lưu hành tại nước tham gia ICH hoặc Australia																
1	41	Diaceirin	Arthreoin		9590/QLD-KD	50mg	Viên nang cứng		Uống	Viên	ONE PHARMA INDUSTRIAL PHARMACEUTICAL COMPANY SOCIETE ANONYME	Greece	Hộp 3 vi x 10 viên	12.000	9.150	109.800.000
2	54	Ephedrin hydroclorid	Ephedrine Aguettant 30mg/ml		VN-19221-15	30mg/ml	Dung dịch tiêm truyền tĩnh mạch	Ống 1ml	Tiêm	Ống	Laboratoire Aguettant	France	Hộp 10 ống x 01ml	57.700	100	5.770.000
3	64	Glucosamin sulfate	Viartril-S		VN-14800-12	1500mg	Bột pha dung dịch uống		Uống	Gói	Rottapharm Ltd.	Ireland	Hộp 30 gói	14.259	10.500	149.719.500
4	65	Heparin sodium	Heparin		VN-15617-12	25.000IU/5ml	Dung dịch tiêm	Lọ/Ống 5ml	Tiêm	Lọ	Rotexmedica GmbH Arzneimittelwerk	Germany	Hộp 25 lọ x 5ml	110.250	270	29.767.500
5	72	Ketamine (dưới dạng Ketamine HCL)	Ketamine Hydrochloride injection		VN-20611-17	500mg/10ml	Dung dịch tiêm	Lọ/Ống 10ml	Tiêm	Lọ	Rotexmedica GmbH Arzneimittelwerk	Germany	Hộp 25 lọ 10ml	52.500	800	42.000.000
6	73	Ketorolac trometamol	Kevindol		17595/QLD-KD	30mg/ml	Dung dịch tiêm		Tiêm	Ống	Esseti Farmaceutici S.R.L	Italia	Hộp 3 ống 1ml	35.000	19.000	665.000.000
7	90	Neostigmin methylsulfate	Neostigmine		VN-15618-12	0,5mg/ml	Dung dịch tiêm	Ống 1ml	Tiêm	Ống	Rotexmedica GmbH Arzneimittelwerk	Germany	Hộp 10 ống x 1ml	8.400	35	294.000

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
BỆNH VIỆN CHẤN THƯƠNG CHỈNH HÌNH

KQ-5A1

STT	STT trong Hồ sơ mời thầu	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Giá trúng thầu	Số lượng trúng thầu	Thành tiền
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)
8	94	Nor-adrenalin (dưới dạng Nor-adrenalin tartrat)	Levonor		VN-20116-16	1mg/ml	Dung dịch tiêm truyền	Ống 1ml	Tiêm	Ống	Warsaw Pharmaceutical Works Polfa S.A	Poland	Hộp 10 ống 1ml	35.000	340	11.900.000
9	97	Paracetamol	Paracetamol B.Braun		VN-19010-15	1000mg/100ml	Dung dịch truyền	Chai/Lọ 100ml	Truyền	Chai	B. Braun Medical S.A	Spain	Hộp 10 chai nhựa 100ml	41.900	36.860	1.544.434.000
10	119	Tolperison hydroclorid	Myderison		VN-5517-10	50mg	Viên nén bao phim		Uống	Viên	Meditop Pharmaceutical Ltd.	Hungary	Hộp 2 vỉ x 15 viên	1.170	35.950	42.061.500
TỔNG CỘNG															10	2.600.746.500
Lô 2: Thuốc sản xuất trên dây chuyền sản xuất đạt tiêu chuẩn EU-GMP hoặc PIC/s-GMP nhưng không thuộc nước tham gia ICH và Australia																
11	10	Enoxaparin natri	Lupiparin		VN-17089-13	60mg/0,6ml	Bơm tiêm đóng sẵn thuốc	Bơm tiêm 0,6ml	Tiêm	Bơm tiêm	Shenzhen Techdow Pharmaceutical Co., Ltd	China	Hộp chứa 2 bơm tiêm (0,6ml)	87.400	630	55.062.000
TỔNG CỘNG															1	55.062.000
Lô 3: Thuốc sản xuất trên dây chuyền sản xuất đạt tiêu chuẩn WHO-GMP được Bộ Y tế Việt Nam cấp giấy chứng nhận																
12	11	Hỗn hợp Ampicilin natri và Sulbactam natri	Visulin 2g/1g		VD-27150-17	Ampicilin 2g + Sulbactam 1g	Thuốc bột pha tiêm		Tiêm	Lọ	Công ty CPDP VCP	Việt Nam	Hộp 10 lọ	55.000	5.000	275.000.000
TỔNG CỘNG															1	275.000.000
Lô 5: Thuốc không đáp ứng các tiêu chí của các lô 1, 2, 3 và 4																
13	3	Flurbiprofen	Zentofen		VN-16718-13	100mg	Viên nén bao phim		Uống	Viên	Nexus Pharma (Pvt) Ltd	Pakistan	Hộp 3 vỉ x 10 viên	2.310	50.000	115.500.000
TỔNG CỘNG															1	115.500.000
TỔNG CỘNG															13	3.046.308.500
46 CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM NHẤT ANH																
Lô 1: Thuốc sản xuất trên dây chuyền sản xuất đạt tiêu chuẩn EU-GMP hoặc PIC/s-GMP tại cơ sở sản xuất thuộc nước tham gia ICH và Australia hoặc Thuốc sản xuất trên dây chuyền sản xuất đạt tiêu chuẩn WHO-GMP do Bộ Y tế Việt nam cấp giấy chứng nhận và được cơ quan quản lý quốc gia có thẩm quyền cấp phép lưu hành tại nước tham gia ICH hoặc Australia																
1	49	Domperidon	Domreme		VN-19608-16	10mg	Viên nén bao phim		Uống	Viên	Remedica Ltd	Cyprus	Hộp 10 vỉ x 10 viên	990	330	326.700

ulu
30/35

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
BỆNH VIỆN CHẨN THƯƠNG CHÌNH HÌNH

KQ-5A1

STT	STT trong Hồ sơ mời thầu	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SĐK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bao chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Giá trúng thầu	Số lượng trúng thầu	Thành tiền
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)
2	100	Paracetamol + Codeine phosphate	Codalgin Forte		VN-13600-11	500mg 30mg	+ Viên nén		Uống	Viên	Aspen Pharma Pty., Ltd	Australia	Hộp 2 vỉ x 10 viên	3.100	20.900	64.790.000
TỔNG CỘNG															2	65.116.700
47 CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI - DƯỢC PHẨM THIÊN CHÂU A.P.T															2	65.116.700
Lô 1: Thuốc sản xuất trên dây chuyền sản xuất đạt tiêu chuẩn EU-GMP hoặc PIC/s-GMP tại cơ sở sản xuất thuộc nước tham gia ICH và Australia hoặc Thuốc sản xuất trên dây chuyền sản xuất đạt tiêu chuẩn WHO-GMP do Bộ Y tế Việt nam cấp giấy chứng nhận và được cơ quan quản lý quốc gia có thẩm quyền cấp phép lưu hành tại nước tham gia ICH hoặc Australia																
1	29	Ceftazidim (dưới dạng bột hỗn hợp vô khuẩn Ceftazidim pentahydrat và natri carbonat)	Ceftazidime Kabi 1g	Ceftazidime Kabi 1g (SX bán thành phẩm: Hanmi Fine Chemical Co., Ltd; địa chỉ: Plant A and B 59, Gyeonggi-ro, Siheung-si, Gyeonggi-do, Hàn Quốc)	VN-20418-17	1g	Bột pha dung dịch tiêm		Tiêm	Lọ	Labesfal - Laboratorios Almiro, SA	Portugal	Hộp 10 lọ	27.300	10.350	282.555.000
TỔNG CỘNG															1	282.555.000
Lô 3: Thuốc sản xuất trên dây chuyền sản xuất đạt tiêu chuẩn WHO-GMP được Bộ Y tế Việt Nam cấp giấy chứng nhận																
2	5	L-Isoleucin; L-Leucin; L-Lysin.HCl; L-Methionin; L-Phenylalanin; L-Threonin; L-Tryptophan; L-Valin; L-Arginin HCl; L-Histidin HCl; Glycin; L-Alanin; L-Prolin; L-Aspartic acid; L-Asparagin.H2O; L-Glutamic acid; L-Ornithin HCl; L-Serin; L-Tyrosin	Aminoacid Kabi 5% 500ml	Aminoacid Kabi 5 %	VD-25361-16	Mỗi 250ml chứa: 0,6375g; 1,1125g; 0,875g; 0,475g; 0,6375g; 0,5125g; 0,225g; 0,6g; 1,15g; 0,65g; 0,9875g; 1,7125g; 1,1125g; 0,1625g; 0,465g; 0,575g; 0,4g; 0,3g; 0,075g	Dung dịch tiêm truyền	Chai/Túi 500ml	Tiêm	Chai	Công Ty Cổ Phần Fresenius Kabi Bidiphar	Việt Nam	Chai 500ml	58.800	1.800	105.840.000

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

KQ-5A1

BỆNH VIỆN CHẤN THƯƠNG CHÍNH HÌNH

STT	STT trong Hồ sơ mời thầu	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Giá trúng thầu	Số lượng trúng thầu	Thành tiền
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)
3	44	Glucose khan	Glucose 30% 500ml	Glucose 30%	VD-23167-15	30g/100ml	Dung dịch tiêm truyền	Chai 500ml	Tiêm truyền	Chai	Công Ty Cổ Phần Fresenius Kabi Bidiphar	Việt Nam	Chai 500ml	14.490	50	724.500
4	50	Kali clorid	Kali clorid Kabi 10%		VD-19566-13	1g/10ml	Dung dịch tiêm	Ống 10ml	Tiêm	Ống	Công Ty Cổ Phần Fresenius Kabi Bidiphar	Việt Nam	Hộp 50 ống x 10ml	1.890	1.750	3.307.500
5	53	Lidocain HCL	Lidocain Kabi 2% 20ml	Lidocain Kabi 2%	VD-18804-13	400mg/20ml	Dung dịch tiêm	Lọ/Ống 20ml	Tiêm	Lọ	Công Ty Cổ Phần Dược - Trang Thiết Bị Y Tế Bình Định	Việt Nam	Hộp 10 lọ x 20ml	14.070	19.600	275.772.000
6	57	Magnesi sulfat	Magnesi sulfat Kabi 15 %		VD-19567-13	1,5g/10ml	Dung dịch tiêm	Ống 10ml	Tiêm	Ống	Công Ty Cổ Phần Fresenius Kabi Bidiphar	Việt Nam	Hộp 50 ống x 10ml	2.583	220	568.260
7	68	Natri clorid	Natri clorid 0,9% 100ml	Natri clorid 0,9%	VD-21954-14	0,9g/100ml	Dung dịch tiêm truyền	Chai 100ml	Tiêm truyền	Chai	Công Ty Cổ Phần Fresenius Kabi Bidiphar	Việt Nam	Chai 100ml	7.665	8.000	61.320.000
8	74	Natri bicarbonat	Natri bicarbonat 1,4% 250ml	Natri bicarbonat 1,4 %	VD-25877-16	1,4g/100ml	Dung dịch tiêm truyền	Chai 250ml	Tiêm	Chai	Công Ty Cổ Phần Fresenius Kabi Bidiphar	Việt Nam	Chai 250ml	32.000	30	960.000
9	79	Paracetamol	Paracetamol Kabi 1000		VD-19568-13	1000mg/100 ml	Dung dịch tiêm truyền	Chai/Lọ 100ml	Tiêm truyền	Chai	Công Ty Cổ Phần Fresenius Kabi Bidiphar	Việt Nam	Chai 100ml	18.480	24.580	454.238.400
10	94	Dextrose khan; Natri clorid; Kali clorid; Natri lactat; Calci clorid.2H2O	Lactated Ringer's and Dextrose		VD-21953-14	11,365g/250 ml; 1,5g/250ml; 7 5mg/250ml; 750mg/250ml; 50mg/250ml	Dung dịch tiêm truyền	Chai 500ml	Tiêm truyền	Chai	Công Ty Cổ Phần Fresenius Kabi Bidiphar	Việt Nam	Chai 500ml	10.290	13.000	133.770.000
TỔNG CỘNG															9	1.036.500.660

nhu
32/35

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
BỆNH VIỆN CHẨN THƯƠNG CHÍNH HÌNH

KQ-5A1

STT	STT trong Hồ sơ mời thầu	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SĐK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Giá trúng thầu	Số lượng trúng thầu	Thành tiền
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)
TỔNG CỘNG															10	1.319.055.660
48 CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ THÁI AN																
Lô 1: Thuốc sản xuất trên dây chuyền sản xuất đạt tiêu chuẩn EU-GMP hoặc PIC/s-GMP tại cơ sở sản xuất thuộc nước tham gia ICH và Australia hoặc Thuốc sản xuất trên dây chuyền sản xuất đạt tiêu chuẩn WHO-GMP do Bộ Y tế Việt nam cấp giấy chứng nhận và được cơ quan quản lý quốc gia có thẩm quyền cấp phép lưu hành tại nước tham gia ICH hoặc Australia																
1	74	Lactulose	Laevolac		VN-19613-16	Mỗi 15ml chứa: Lactulose 10g	Dung dịch uống	Gói 15ml	Uống	Gói	Fresenius Kabi Austria GmbH	Áo	Hộp 20 gói 15ml	2.688	4.300	11.558.400
2	123	Vancomycin (dưới dạng Vancomycin hydroclorid)	Voxin		VN-20141-16	500mg	Bột đông khô pha tiêm		Tiêm	Lọ	Viancx S.A- Nhà máy C	Hy Lạp	Hộp 1 lọ	61.194	2.180	133.402.920
TỔNG CỘNG															2	144.961.320
49 CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM DƯỢC LIỆU PHARMEDIC																
Lô 3: Thuốc sản xuất trên dây chuyền sản xuất đạt tiêu chuẩn WHO-GMP được Bộ Y tế Việt Nam cấp giấy chứng nhận																
1	87	Povidon iod	POVIDINE		VD-15137-11	4%	Dung dịch dùng ngoài	Chai/Lọ 800ml	Dùng ngoài	Chai	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Dược Liệu Pharmedic	Việt Nam	CHAI 800ml	58.527	8.350	488.700.450
TỔNG CỘNG															1	488.700.450
50 CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - TRANG THIẾT BỊ Y TẾ BÌNH ĐỊNH (BIDIPHAR)																
Lô 3: Thuốc sản xuất trên dây chuyền sản xuất đạt tiêu chuẩn WHO-GMP được Bộ Y tế Việt Nam cấp giấy chứng nhận																
1	24	Cefoperazon (dưới dạng cefoperazon natri)	Bifocezon 1g		VD-28227-17	1g	Thuốc bột pha tiêm		Tiêm	Lọ	Công ty cổ phần Dược - TTBYT Bình Định (Bidiphar)	Việt Nam	Hộp 10 lọ	9.450	3.260	30.807.000
2	59	Mecobalamin	Galanmer		VD-28236-17	500 mcg	Viên nang cứng		Uống	Viên	Công ty cổ phần Dược - TTBYT Bình Định (Bidiphar)	Việt Nam	Hộp 10 vỉ x 10 viên	520	216.650	112.658.000

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
BỆNH VIỆN CHẤN THƯƠNG CHỈNH HÌNH

KQ-5A1

STT	STT trong Hồ sơ mời thầu	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SĐK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Giá trúng thầu	Số lượng trúng thầu	Thành tiền
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)
3	78	Paracetamol	Biragan 150		VD-21236-14	150mg	Thuốc đạn		Viên đặt hậu môn	Viên	Công ty cổ phần Dược - TTBYT Bình Định (Bidiphar)	Việt Nam	Hộp 2 vi x 5 viên	1.512	2.000	3.024.000
4	80	Paracetamol	Biragan 300		VD-23136-15	300mg	Thuốc đạn		Viên đặt hậu môn	Viên	Công ty cổ phần Dược - TTBYT Bình Định	Việt Nam	Hộp 2 vi x 5 viên	1.785	1.900	3.391.500
5	111	Vancomycin hydroclorid	Vancomycin	Vancomycin	VD-12220-10	Vancomycin hydroclorid tương ứng 500mg Vancomycin base	Thuốc tiêm bột đông khô		Tiêm	Lọ	Công ty cổ phần Dược - TTBYT Bình Định (Bidiphar)	Việt Nam	Hộp 1 lọ thuốc tiêm bột đông khô + 1 ống dung môi 10ml	24.297	2.180	52.967.460
TỔNG CỘNG															5	202.847.960

Lô 4: Thuốc có chứng minh tương đương sinh học do Bộ Y tế công bố

6	4	Metformin HCl	Mefomid 850		VD-27263-17	850mg	Viên nén bao phim		Uống	Viên	Công ty cổ phần Dược - TTBYT Bình Định (Bidiphar)	Việt Nam	Hộp 3 vi x 10 viên	252	1.540	388.080
TỔNG CỘNG															1	388.080
TỔNG CỘNG															6	203.236.040

52 CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM SAVI (SAVIPHARM)

Lô 2: Thuốc sản xuất trên dây chuyền sản xuất đạt tiêu chuẩn EU-GMP hoặc PIC/s-GMP nhưng không thuộc nước tham gia ICH và Australia

1	11	Eperison hydroclorid	Savi Eperisone 50		VD-21351-14	50mg	Viên nén bao phim		uống	viên	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi (SaVipharma J.S.C)	Việt Nam	Hộp 5 vi x 10 viên	940	78.060	73.376.400
2	12	Etodolac	Savi Etodolac 200		VD-23005-15	200mg	Viên nén bao phim		uống	viên	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi	Việt Nam	Hộp 3 vi x 10 viên	3.690	11.800	43.542.000
TỔNG CỘNG															2	116.918.400
TỔNG CỘNG															2	116.918.400

53 CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TV.PHARM

Lô 3: Thuốc sản xuất trên dây chuyền sản xuất đạt tiêu chuẩn WHO-GMP được Bộ Y tế Việt Nam cấp giấy chứng nhận

Me

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
BỆNH VIỆN CHẤN THƯƠNG CHỈNH HÌNH

KQ-5A1

STT	STT trong Hồ sơ mời thầu	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SĐK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Giá trúng thầu	Số lượng trúng thầu	Thành tiền
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)
1	25	Ceftazidim	TV-Zidim 1g		VD-18396-13	1g	Bột pha tiêm		Uống	Lọ	Công ty cổ phần dược phẩm TV.PHAR M	Việt Nam	Hộp 10 lọ	10.180	4.150	42.247.000
2	38	Esomeprazol (dạng vi hạt bao tan trong ruột Esomeprazol magnesium dihydrat)	Prazopro 40mg		VD-19498-13	40mg	Viên nang cứng		Uống	Viên	Công ty cổ phần dược phẩm TV.PHAR M	Việt Nam	Hộp 2 vi x 7 viên	908	260	236.080
3	83	Paracetamol + Tramadol HCl	Pantracet		VD-20870-14	325mg + 37,5mg	Viên nén bao phim		Uống	Viên	Công ty cổ phần dược phẩm TV.PHAR M	Việt Nam	Hộp 10 vi x 10 viên	368	113.350	41.712.800
4	112	Vitamin A + Vitamin D3	Vitamin A & D		VD-20878-14	5.000IU + 400IU	Viên nang mềm		Uống	Viên	Công ty cổ phần dược phẩm TV.PHAR M	Việt Nam	Hộp 10 vi x 15 viên	178	2.000	356.000
TỔNG CỘNG															4	84.551.880
TỔNG CỘNG															4	84.551.880

Số lượng sản phẩm trúng thầu : 202

Tổng trị giá trúng thầu : 28.779.153.942

Ngày Tháng Năm

BÊN MỜI THẦU

(Ký, ghi rõ họ tên)

GIÁM ĐỐC
BỆNH VIỆN
CHẤN THƯƠNG
CHỈNH HÌNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

TS.BS. Phan Quang Trí

20755

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
BỆNH VIỆN CHẨN THƯƠNG CHÍNH HÌNH

KQ-5A2

BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ THUỐC TRÚNG THẦU

GÓI THẦU THUỐC GENERIC THEO QUYẾT ĐỊNH TRÚNG THẦU SỐ 755/QĐ-BVCTCH NGÀY 31/07/2018

STT	STT trong Hồ sơ mời thầu	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Công ty dự thầu	Giá trúng thầu	Số lượng trúng thầu	Thành tiền
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)
Lô 1: Thuốc sản xuất trên dây chuyền sản xuất đạt tiêu chuẩn EU-GMP hoặc PIC/s-GMP tại cơ sở sản xuất thuộc nước tham gia ICH và Australia hoặc Thuốc sản xuất trên dây chuyền sản xuất đạt tiêu chuẩn WHO-GMP do Bộ Y tế Việt nam cấp giấy chứng nhận và được cơ quan quản lý quốc gia có thẩm quyền cấp phép lưu hành tại nước tham gia ICH hoặc Australia																	
1	1	Hỗn hợp Amino acid và muối	ALVESIN 10E		VN-9462-10	10%	Dung dịch tiêm truyền	Chai/Túi 250ml	Tiêm truyền tĩnh mạch	Chai	Berlin Chemie AG (Menarini Group)	Đức	Chai 250ml	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VIỆT HÀ	80.000	160	12.800.000
2	2	Hỗn hợp Amino acid và muối	ALVESIN 10E	ALVESIN 10E	VN-9462-10	10%	Dung dịch tiêm truyền	Chai/Túi 500ml	Tiêm truyền tĩnh mạch	Chai	Berlin Chemie AG (Menarini Group)	Đức	Chai 500ml	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VIỆT HÀ	139.000	300	41.700.000
3	3	Dung dịch Amino acid và chất điện giải	ALVESIN 5E	ALVESIN 5E	VN-10762-10	5%	Dung dịch tiêm truyền tĩnh mạch	Chai/Túi 500ml	Tiêm truyền tĩnh mạch	Chai	Berlin Chemie AG (Menarini Group)	Đức	Chai 500ml	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VIỆT HÀ	110.000	2.700	297.000.000

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
BỆNH VIỆN CHẤN THƯƠNG CHỈNH HÌNH

KQ-5A2

STT	STT trong Hồ sơ mời thầu	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SĐK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Công ty dự thầu	Giá trúng thầu	Số lượng trúng thầu	Thành tiền
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)
4	4	Mỗi 250ml chứa: Isoleucine 0,625g; Leucine 1,1125g; Lysine (dưới dạng lysine HCl) 0,8575g; Methionine 0,55g; Phenylalanine 0,5875g; Threonine 0,525g; Tryptophan 0,20g; Valine 0,775g; Arginine 1,4375g; Histidine 0,375g; Alanine 1,3125g; Glycine 1,50g; Aspartic acid 0,70g; Glutamic acid 0,90g; Proline 0,6875g; Serine 0,2875g; Tyrosine 0,10g; Sodium acetate trihydrate 0,34025g; Sodium hydroxide 0,035g; Potassium acetate 0,61325g; Sodium chloride 0,241g; Magnesium chloride hexahydrate 0,127g; Disodium phosphate dodecahydrate 0,89525g.	Aminoplasma I B.Braun 5% E	Aminoplasma I B.Braun 5% E	VN-18161-14	5%	Dung dịch truyền tĩnh mạch	Chai/Túi 250ml	Tiêm	Chai	B.Braun Melsungen AG	Đức	Hộp 10 chai 250ml	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM TUỆ HẢI	67.500	50	3.375.000

Ulle

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
BỆNH VIỆN CHẤN THƯƠNG CHÍNH HÌNH

KQ-5A2

STT	STT trong Hồ sơ mở thầu	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SĐK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Công ty dự thầu	Giá trúng thầu	Số lượng trúng thầu	Thành tiền
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)
5	5	Isoleucine ; Leucine; Lysine hydrochloride; Methionine; Phenylalanine; Threonine; Tryptophan; Valine; Arginine glutamate; Histidine hydrochloride monohydrate; Alanine; Aspartic acid; Glutamic acid; Glycine; Proline; Serine; Magnesium acetate tetrahydrate; Sodium acetate trihydrate; Sodium chloride; Sodium hydroxide; Potassium hydroxide; Potassium dihydrogen phosphate; Glucose monoglydrate; Calcium chloride dehydrate	Nutriflex Peri Sol. Bag 1000ml 5's	Nutriflex Peri	VN-18157-14	40g (Amino Acids) + 80g (Anhydrous Glucose)	Dung dịch truyền tĩnh mạch	Túi 2 ngăn 1000ml	Tiêm truyền	Túi	B.Braun Medical AG	Thụy Sĩ	Hộp 5 túi 1000ml	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2	404.670	2.530	1.023.815.100
6	6	L-Isoleucine, L- Leucine, L-Lysine acetate, L- Methionine, L- Phenylalanine, L- Threonine, L- Tryptophan, L- Valine, L-Alanine, L-Arginine, L- Aspartic acid, L- Glutamic acid, L- Histidine, L- Proline ...	Neoamiyu		VN-16106-13	6,1%	Dung dịch truyền tĩnh mạch	Túi 200ml	Truyền tĩnh mạch	Túi	Ay Pharmaceut icals Co., Ltd	Nhật	Túi 200ml	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN VIMEDIMEX BÌNH DƯƠNG	116.258	90	10.463.220

BỆNH VIỆN
CHẤN THƯƠNG
CHÍNH HÌNH

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

BỆNH VIỆN CHẨN THƯƠNG CHÍNH HÌNH

KQ-5A2

STT	STT trong Hồ sơ mời thầu	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SĐK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Công ty dự thầu	Giá trúng thầu	Số lượng trúng thầu	Thành tiền
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)
7	7	Cao khô hạt dê ngựa (Aesculus hippocastanum)	Venosan retard		VN-14566-12	Cao khô hạt dê ngựa (Aesculus hippocastanum) 263,2mg	Viên nén bao phim phóng thích ruột		Uống	Viên	Dr. Willmar Schwabe GmbH & Co. KG	Germany	Hộp 10 vi, 2 vi x 10 viên	CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	4.200	130.000	546.000.000
8	8	Albumin người	ALBUMINAR 25		VN-13414-11	25%	Dung dịch truyền tĩnh mạch	Chai/Lọ 50ml	Tiêm truyền	Chai	CSL Behring LLC	USA	Chai 50 ml	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM THIẾT BỊ Y TẾ HÀ NỘI	889.500	90	80.055.000
9	9	Acid Alendronic (dưới dạng natri alendronat trihydrat) + Vitamin D3 (dưới dạng vitamin D3 100.000IU/g)	Fosamax Plus 70mg/5600IU Tab.	Fosamax Plus 70mg/5600IU	VN-19253-15	70mg + 5600IU	Viên nén		Uống	Viên	Frosst Iberica, S.A	Tây Ban Nha	Hộp 1 vi x 4 viên	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN VIMEDIMEX BÌNH DƯƠNG	98.615	3.000	295.845.000
10	11	Ampicilin (dưới dạng ampicilin natri) + Sulbactam (dưới dạng sulbactam natri)	AMA POWER		VN-19857-16	Ampicilin (dưới dạng ampicilin natri) 1000mg + Sulbactam (dưới dạng sulbactam natri) 500mg	Bột pha tiêm		Tiêm	Lọ	S.C. Antibiotice S.A.	Romani	Hộp 50 lọ	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN TÂY ÂU	62.000	53.890	3.341.180.000
11	12	Attapulgit; Aluminum hydroxyde and magnesium carbonate	Gastropulgit Sac 30's	Gastropulgit	VN-17985-14	2,5g + 0,5g	Bột pha hỗn dịch uống		Uống	Gói	Beaufour Ipsen Industrie	Pháp	Hộp 30 gói	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2	3.053	4.880	14.898.640
12	14	Betahistine dihydrochloride	Betaserc 16mg Tab.	Betaserc 16mg	VN-17206-13	16mg	Viên nén		Uống	Viên	Mylan Laboratoire SAS	Pháp	Hộp 3 vi x 20 viên	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN VIMEDIMEX BÌNH DƯƠNG	1.986	350	695.100
13	15	Betamethasone dipropionate + Betamethasone sodium phosphate	Diprosan Injection 1ml	Diprosan Injection	VN-15551-12	6,43mg/ml + 2,63mg/ml	Hỗn dịch tiêm	Ống 1ml	Tiêm	Ống	Schering - Plough Labo N.V.	Bi	Hộp 1 ống 1ml	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN VIMEDIMEX BÌNH DƯƠNG	63.738	50	3.186.900

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

BỆNH VIỆN CHẤN THƯƠNG CHỈNH HÌNH

KQ-5A2

STT	STT trong Hồ sơ mời thầu	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SĐK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Công ty dự thầu	Giá trúng thầu	Số lượng trúng thầu	Thành tiền
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)
14	17	Bisoprolol fumarate	Concor Tab 5mg 3x10'S	Concor 5mg	VN-17521-13	5mg	Viên nén bao phim		Uống	Viên	Merck KGaA	Đức	Hộp 3 vi x 10 viên	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2	4.173	530	2.211.690
15	19	Calci carbonat + Vitamin D3	Briozcal		VN-12270-11	500mg calci, 125IU vitamin D3	Viên nén bao phim		Uống	viên	Lipa Pharmaceuticals Pty., Ltd	Australia	Hộp 3 vi x 10 viên	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM B.H.C	2.700	75.100	202.770.000
16	20	Magnesium gluconate + calcium glycerophosphate	Fatig Amp. 10ml	Fatig	VN-20359-17	Mỗi 10ml chứa: Magnesium gluconate 0,426g + calcium glycerophosphate 0,456g	Dung dịch uống	Ống 10ml	Uống	Ống	Pharmatis	Pháp	Hộp 2 vi x 10 ống	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN VIMEDIMEX BÌNH DƯƠNG	5.163	79.550	410.716.650
17	22	Calcitriol	Rocaltrol Cap. 0,25mcg	Rocaltrol (Cơ sở đóng gói: F.Hoffmann - La Roche Ltd., địa chỉ: CH-4303 Kaiseraugst, Switzerland)	VN-14167-11	0,25mcg	Viên nang mềm		Uống	Viên	Catalent Germany Eberbach GmbH	Đức	Hộp 3 vi x 10 viên	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN VIMEDIMEX BÌNH DƯƠNG	4.721	5.700	26.909.700
18	23	Cao Ginkgo biloba + Troxerutin + Heptaminol hydrochloride	Ginkor Fort		VN-16802-13	14mg+ 300mg 300mg	Viên nang cứng		Uống	Viên	Beaufour Ipsen Industrie	Pháp	Hộp 3 vi x 10 viên	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN VIMEDIMEX BÌNH DƯƠNG	3.238	1.490	4.824.620
19	25	Cefazolin (dưới dạng Cefazolin natri)	Cefazolin Actavis 2g		VN-20642-17	2g	Bột pha dung dịch tiêm		Tiêm bắp/ tiêm tĩnh mạch	Lọ	Balkanpharma Razgrad AD	Bulgaria	Hộp 10 lọ	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN VIMEDIMEX BÌNH DƯƠNG	44.000	2.320	102.080.000
20	27	Cefoperazon	CEFOPERAZONE ABR 2G powder for solution for injection		VN-20733-17	2g	Bột đông khô pha tiêm		Tiêm	Lọ	Balkanpharma Razgrad AD	Bulgaria	Hộp 5 lọ	CÔNG TY TNHH NHÂN SĨNH	105.000	6.200	651.000.000
21	28	Cefoperazon (dưới dạng Cefoperazon natri) + Sulbactam (dưới dạng Sulbactam natri)	Basultam		VN-18017-14	1g + 1g	Bột pha tiêm bắp, tĩnh mạch		Tiêm	Lọ	Medochemie Ltd. - Factory C	Cyprus	Hộp 01 lọ bột pha tiêm	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DƯỢC PHẨM THIÊN KIM	184.900	2.500	462.250.000

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
BỆNH VIỆN CHẨN THƯƠNG CHÌNH HÌNH

KQ-5A2

STT	STT trong Hồ sơ mời thầu	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SĐK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Công ty dự thầu	Giá trúng thầu	Số lượng trúng thầu	Thành tiền
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)
22	29	Ceftazidim (dưới dạng bột hỗn hợp vô khuẩn Ceftazidim pentahydrat và natri carbonat)	Ceftazidime Kabi 1g	Ceftazidime Kabi 1g (SX bán thành phẩm: Hanmi Fine Chemical Co., Ltd; địa chỉ: Plant A and B 59, Gyeongje-ro, Siheung-si, Gyeonggi-do, Hàn Quốc)	VN-20418-17	1g	Bột pha dung dịch tiêm		Tiêm	Lọ	Labesfal - Laboratorios Almiro, SA	Portugal	Hộp 10 lọ	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI - DƯỢC PHẨM THIÊN CHÂU A.P.T	27.300	10.350	282.555.000
23	30	Ceftazidim (dưới dạng Ceftazidim pentahydrat)	Ceftazidime Gerda 2g		VN-17905-14	2g	Bột pha tiêm		Tiêm	Lọ	LDP Laboratorios Torlan SA	Spain	Hộp 10 lọ 2g	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM VĂN LANG	111.300	2.500	278.250.000
24	31	Ceftriaxon (Dưới dạng Ceftriaxon natri)	Ceftriaxon Stragen 2g		VN-10108-10/VN-20720-17	2g	Bột pha dung dịch tiêm		Tiêm	Lọ	Mitim s.r.l	Italy	Hộp 10 lọ	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM VĂN LANG	96.500	1.500	144.750.000
25	32	Celecoxib	Cofidex 200mg		VN-16821-13	200mg	Viên nang cứng		Uống	viên	Lek Pharmaceuticals d.d,	Slovenia	Hộp 2 vỉ x 10 viên	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM VÀ TRANG THIẾT BỊ Y TẾ HOÀNG DỨC	9.100	58.200	529.620.000
26	34	Clostridium botulinum type A toxin-Haemagglutinin complex 300U	Dysport Inj 300U 1's	Dysport	QLSP-1015-17	300 đơn vị	Bột pha dung dịch tiêm		Tiêm	Lọ	Ipsen Biopharma Limited	Anh	Hộp 1 lọ	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2	4.800.940	20	96.018.800
27	35	Clostridium botulinum type A toxin - Haemagglutinin complex 500U	Dysport Inj 500U 1's	Dysport	QLSP-1016-17	500 đơn vị	Bột pha dung dịch tiêm		Tiêm	Lọ	Ipsen Biopharma Limited	Anh	Hộp 1 lọ	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2	6.627.920	10	66.279.200

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
BỆNH VIỆN CHẤN THƯƠNG CHÍNH HÌNH

KQ-5A2

STT	STT trong Hồ sơ mời thầu	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SĐK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Công ty dự thầu	Giá trúng thầu	Số lượng trúng thầu	Thành tiền
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)
28	36	Cytidine-5'-monophosphat disodium (CMP, muối dinatri); Uridine-5'-triphosphate trisodium (UTP, muối natri) + Uridine-5'-diphosphate disodium (UDP, muối dinatri) + Uridine-5'-monophosphate disodium (UMP, muối dinatri)	NUCLEO CMP FORTE		VN-18720-15	Cytidine-5'-monophosphat disodium (CMP, muối dinatri) 10mg; Uridine-5'-triphosphate trisodium (UTP, muối natri) + Uridine-5'-diphosphate disodium (UDP, muối dinatri) + Uridine-5'-monophosphate disodium (UMP, muối dinatri) tổng cộng 6mg; tương đương Uridine 2,660mg	Bột đông khô và dung môi pha tiêm		Tiêm	Ống	Ferrer Internacion al S.A	Tây Ban Nha	Hộp 3 ống bột và 3 ống dung môi 2ml	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VIỆT HÀ	51.000	320	16.320.000

STT	STT trong Hồ sơ mời thầu	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SĐK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Công ty dự thầu	Giá trúng thầu	Số lượng trúng thầu	Thành tiền
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)
29	37	Cytidine-5'-disodium monophosphat (CMP, muối dinatri), Uridine-5'-trisodium triphosphate (UTP, muối trinatri), Uridine-5'-disodium diphosphate (UDP, muối dinatri), Uridine-5'-disodium monophosphate (UMP, muối dinatri)	NUCLEO CMP FORTE (capsule)	NUCLEO CMP FORTE, viên nang cứng	20779/QLD-KD	Cytidine-5'-disodium monophosphat (CMP, muối dinatri) 5mg, Uridine-5'-trisodium triphosphate (UTP, muối trinatri), Uridine-5'-disodium diphosphate (UDP, muối dinatri), Uridine-5'-disodium monophosphate (UMP, muối dinatri) tổng cộng 3mg, tương đương Uridine 1,330mg	Viên nang cứng		Uống	Viên	Ferrer Internacional S.A	Tây Ban Nha	H 2 vi x 15 viên	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VIỆT HÀ	8.600	37.100	319.060.000
30	39	Desflurane	Suprane 100% /240ml B/1	Suprane	VN-17261-13	100%	Thuốc mê bay hơi (chất lỏng dùng để hít)	Chai 240ml	Dạng hít	Chai	Baxter Healthcare Corporation	Mỹ	Chai 240ml	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN VIMEDIMEX BÌNH DƯƠNG	2.700.000	20	54.000.000
31	41	Diacerein	Arthrorcin		9590/QLD-KD	50mg	Viên nang cứng		Uống	Viên	ONE PHARMA INDUSTRIAL PHARMACEUTICAL COMPANY SOCIETE ANONYME	Greece	Hộp 3 vi x 10 viên	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CPC1	12.000	9.150	109.800.000
32	44	Natri diclofenac	Voltaren Tab 75mg 10x10's	Voltaren	VN-11972-11	75mg	Viên nén phóng thích chậm		Uống	Viên	Novartis Farma S.p.A	Ý	Hộp 10 vi x 10 viên	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2	6.185	57.900	358.111.500

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
BỆNH VIỆN CHÂN THƯƠNG CHÍNH HÌNH

KQ-5A2

STT	STT trong Hồ sơ mời thầu	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SĐK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Công ty dự thầu	Giá trúng thầu	Số lượng trúng thầu	Thành tiền
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)
33	45	Diclofenac natri	Elaria	Elaria	VN-16829-13	75mg	Dung dịch tiêm	Ống 3ml	Tiêm	Ống	Medochemie Ltd - Ampoule Injectable Facility	Cyprus	Hộp 2 vi x 5 ống	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DƯỢC PHẨM THIÊN KIM	7.800	21.630	168.714.000
34	47	Purified, micronized flavonoid fraction 500mg (450 mg diosmin; 50 mg flavonoid expressed as hesperidin)	Daflon (L) Tab 500mg 60's	Daflon	VN-15519-12	450mg; 50mg	Viên nén bao phim		Uống	Viên	Les Laboratoires Servier Industrie	Pháp	Hộp 4 vi x 15 viên	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2	3.258	5.750	18.733.500
35	49	Domperidon	Domreme		VN-19608-16	10mg	Viên nén bao phim		Uống	Viên	Remedica Ltd	Cyprus	Hộp 10 vi x 10 viên	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM NHẤT ANH	990	330	326.700
36	51	Doxorubicin Hydroclorid	Doxorubicin Ebewe Inj 10mg/5ml 1's	Doxorubicin "Ebewe"	VN-17426-13	2mg/ml	Dung dịch đậm đặc để pha dung dịch tiêm truyền	Lọ 5ml	Tiêm truyền tĩnh mạch	Lọ	Ebewe Pharma Ges.m.b.H. Nfg.KG	Áo	Hộp 1 lọ 5ml	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2	98.478	630	62.041.140
37	52	Enoxaparin natri	Gemapaxane		VN-16313-13	6000IU/0,6ml	Dung dịch tiêm	Bơm tiêm 0,6ml	Tiêm	Bơm tiêm	Italfarmaco S.P.A.	Ý	Hộp 6 bơm tiêm	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN VIMEDIMEX BÌNH DƯƠNG	94.999	1.575	149.623.425
38	54	Ephedrin hydroclorid	Ephedrine Aguetant 30mg/ml		VN-19221-15	30mg/ml	Dung dịch tiêm truyền tĩnh mạch	Ống 1ml	Tiêm	Ống	Laboratoire Aguetant	France	Hộp 10 ống x 01ml	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CPC1	57.700	100	5.770.000
39	55	Epirubicin hydrochloride	Epirubicin "Ebewe" inj 10mg/5ml 1's	Epirubicin "Ebewe"	VN-20037-16	2mg/ml	Dung dịch đậm đặc để pha thuốc tiêm truyền		Tiêm truyền tĩnh mạch	Lọ	Ebewe Pharma Ges.m.b.H. Nfg.KG	Áo	Hộp 1 lọ 5ml	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2	210.000	500	105.000.000
40	56	Epirubicin hydrochloride	Epirubicin "Ebewe" Inj 50mg/25ml 1's	Epirubicin "Ebewe"	VN-20036-16	2mg/ml	Dung dịch đậm đặc để pha dung dịch tiêm truyền		Tiêm truyền tĩnh mạch	Lọ	Ebewe Pharma Ges.m.b.H. Nfg.KG	Áo	Hộp 1 lọ 25ml	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2	580.952	140	81.333.280
41	57	Etomidate	Etomidate-Lipuro Inj 20mg/10ml Vial 10ml	Etomidate Lipuro	VN-10697-10	20mg/ 10ml	Nhũ dịch tiêm truyền	Ống 10ml	Tiêm truyền	Ống	B.Braun Melsungen AG	Đức	Ống thủy tinh 10ml	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2	120.000	50	6.000.000

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
BỆNH VIỆN CHẤN THƯƠNG CHỈNH HÌNH

KQ-5A2

STT	STT trong Hồ sơ mời thầu	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SĐK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Công ty dự thầu	Giá trúng thầu	Số lượng trúng thầu	Thành tiền
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)
42	58	Fentanil (dưới dạng fentanil citrate)	FENTANYL - HAMELN 50MCG/ML		VN-17326-13	50mcg/ml	Dung dịch tiêm	Ống 2ml	Tiêm	Ống	Siegfried Hameln GmbH	Đức	Hộp 10 ống x 2 ml	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DƯỢC SÀI GÒN	11.800	12.400	146.320.000
43	59	Gapapentin	TEBANTIN 300mg		VN-17714-14	300mg	Viên nang cứng		Uống	Viên	Gedeon Richter Plc	Hungary	Hộp 5 vỉ x 10 viên	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE	2.667	93.400	249.097.800
44	63	Gelatin khan (dưới dạng gelatin biến tính) + NaCl + Magnesi clorid hexahydrat + KCl + Natri lactat (dưới dạng dung dịch Natri (S)-lactat)	Geloplasma inj 500ml	Geloplasma	VN-19838-16	15g + 2,691g + 0,1525g + 0,1865g + 1,6800g	Dung dịch tiêm truyền	Túi Polyolefine (freeflex) 500ml	Tiêm truyền	Túi	Fresenius Kabi France	Pháp	Túi Polyolefine (freeflex) 500ml	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2	110.000	370	40.700.000
45	64	Glucosamin sulfate	Viartiril-S		VN-14800-12	1500mg	Bột pha dung dịch uống		Uống	Gói	Rottapharm Ltd.	Ireland	Hộp 30 gói	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CPC1	14.259	10.500	149.719.500
46	65	Heparin sodium	Heparin		VN-15617-12	25.000IU/5ml	Dung dịch tiêm	Lọ/Ống 5ml	Tiêm	Lọ	Rotexmedica GmbH Arzneimittelwerk	Germany	Hộp 25 lọ x 5ml	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CPC1	110.250	270	29.767.500
47	67	Ifosfamide	Holoxan 1g Inj B/1	Holoxan	VN-9945-10	1g	Bột pha tiêm		Tiêm	Lọ	Baxter Oncology GmbH	Đức	Hộp 1 lọ	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN VIMEDIMEX BÌNH DƯƠNG	401.000	1.350	541.350.000
48	68	Insulin người, rADN	Actrapid Inj. 100IU/ml x 10ml	Actrapid	QLSP-0598-12	100IU/ml	Dung dịch tiêm	Lọ 10ml	Tiêm	Lọ	Novo Nordisk A/S	Đan Mạch	Hộp 1 lọ x 10ml	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN VIMEDIMEX BÌNH DƯƠNG	101.000	40	4.040.000
49	72	Ketamine (dưới dạng Ketamine HCL)	Ketamine Hydrochloride injection		VN-20611-17	500mg/10ml	Dung dịch tiêm	Lọ/Ống 10ml	Tiêm	Lọ	Rotexmedica GmbH Arzneimittelwerk	Germany	Hộp 25 lọ 10ml	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CPC1	52.500	800	42.000.000

Ulu

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
BỆNH VIỆN CHẤN THƯƠNG CHỈNH HÌNH

KQ-5A2

STT	STT trong Hồ sơ mời thầu	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SĐK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Công ty dự thầu	Giá trúng thầu	Số lượng trúng thầu	Thành tiền
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)
50	73	Ketorolac trometamol	Kevindol		17595/QLD-KD	30mg/ml	Dung dịch tiêm		Tiêm	Ống	Esseti Farmaceutic i S.R.L	Italia	Hộp 3 ống 1ml	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CPC1	35.000	19.000	665.000.000
51	74	Lactulose	Laevolac		VN-19613-16	Mỗi 15ml chứa: Lactulose 10g	Dung dịch uống	Gói 15ml	Uống	Gói	Fresenius Kabi Austria GmbH	Áo	Hộp 20 gói 15ml	CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ THÁI AN	2.688	4.300	11.558.400
52	75	Lidocain hydroclorid khan (dưới dạng Lidocain hydroclorid monohydrat)	Xylocaine Jelly Oin 2% 30g 10's	Xylocaine Jelly	VN-19788-16	2%	Gel	Tuýp 30g	Dùng ngoài	Tuýp	Recipharm Karlskoga AB	Thụy Điển	Hộp 10 tuýp x 30g	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2	55.600	1.100	61.160.000
53	78	Methylcobalamin	Methylcobal Injection 500µg		VN-20950-18	Mỗi 1ml dung chứa: Methylcobalamin 500µg	Dung dịch tiêm	Ống 1ml	Tiêm	Ống	Nipro Pharma Corporation Ise Plant	Nhật	Hộp 10 ống x 1ml	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN VIMEDIMEX BÌNH DƯƠNG	33.075	500	16.537.500
54	79	Mesna	Uromitexan 400mg/ 4ml Inj B/15	Uromitexan	VN-10698-10	400mg/4ml	Dung dịch tiêm	Ống 4ml	Tiêm	Ống	Baxter Oncology GmbH	Đức	Hộp 15 ống x 4ml	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN VIMEDIMEX BÌNH DƯƠNG	36.243	2.000	72.486.000
55	82	Midazolam (dưới dạng Midazolam HCl)	Paciflam		VN-19061-15	5mg/ml	Dung dịch tiêm	Ống 1ml	Tiêm	Ống	Hameln Pharmaceuticals GmbH	Germany	Hộp 10 ống 1ml	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CODUPHA	18.480	12.400	229.152.000
56	83	Monobasic Sodium phosphat + Dibasic Sodium phosphat	Fleet Enema		VN-9933-10	19g 7g/118ml	Dung dịch thực trực tràng	Chai 133ml	Bơm hậu môn	Chai	C.B. Fleet Company Inc.	USA	Hộp 1 chai dung tích 133ml	CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	57.500	540	31.050.000
57	85	Naftidrofuryl hydrogen oxalate	Praxilene Tab 200mg 20's	Praxilene	VN-15544-12	200mg	Viên nén bao phim		Uống	Viên	Famar Lyon	Pháp	Hộp 2 vỉ x 10 viên	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2	4.515	25.700	116.035.500

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

BỆNH VIỆN CHẨN THƯƠNG CHÍNH HÌNH

KQ-5A2

STT	STT trong Hồ sơ mời thầu	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SBK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Công ty dự thầu	Giá trúng thầu	Số lượng trúng thầu	Thành tiền
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)
58	87	Sodium hyaluronate	ADANT		VN-15543-12	25mg	Dung dịch tiêm	Ống 2,5ml	Tiêm	Ống	Tedec Meiji Farma, SA (The Spanish Subsidiary of Meiji Seika Pharma Co., Ltd	Tây Ban Nha	Hộp chứa 1 xy lanh đóng sẵn dung dịch tiêm	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM THIÊN THẢO SÀI GÒN	740.000	300	222.000.000
59	88	Nefopam hydroclorid	Acupan	Acupan (Xuất xứ: Biocodex, địa chỉ: 1, Avenue Blaise Pascal-60000 Beauvais - France)	VN-18589-15	20mg	Dung dịch tiêm	Ống 2ml	Tiêm	Ống	Delpharm Tours	Pháp	Hộp 5 ống 2ml	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN VIMEDIMEX BÌNH DƯƠNG	33.000	2.500	82.500.000
60	89	Nefopam HCl	Nefolin		VN-18368-14	30mg	Viên nén		Uống	Viên	Medochemie LTD.,	Cyprus	Hộp 2 vi x 10 viên	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM VĂN LANG	5.250	6.960	36.540.000
61	90	Neostigmin methylsulfate	Neostigmine		VN-15618-12	0,5mg/ml	Dung dịch tiêm	Ống 1ml	Tiêm	Ống	Rotexmedica GmbH Arzneimitte lwerk	Germany	Hộp 10 ống x 1ml	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CPC1	8.400	35	294.000
62	91	Medium-chain Triglycerides + Soya-bean oil	Lipofundin Mct/Lct 20% 250ml 10's	Lipofundin MCT/LCT 20 %	VN-16131-13	10,0g/100ml + 10,0g/100ml	Nhũ tương tiêm truyền	Chai/Túi 250ml	Tiêm truyền	Chai	B.Braun Melsungen AG	Đức	Hộp 10 chai thủy tinh 250ml	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2	159.500	3.300	526.350.000
63	92	Dầu đậu nành tinh chế; triglycerid mạch trung bình; dầu oliu tinh chế; dầu cá tinh chế	Smoflipid 20% Inf 100ml 1's	Smoflipid 20 %	VN-19955-16	100ml nhũ tương chứa: dầu đậu nành tinh chế 6g; triglycerid mạch trung bình 6g; dầu oliu tinh chế 5g; dầu cá tinh chế 3g	Nhũ tương truyền tĩnh mạch	Chai/Túi 100ml	Truyền tĩnh mạch ngoại vi hoặc tĩnh mạch trung tâm	Chai	Fresenius Kabi Austria GmbH	Áo	Chai 100ml	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2	98.000	180	17.640.000
64	93	Nicardipin hydroclorid	Nicardipine Aguettant 10mg/10ml	Nicardipine Aguettant 10mg/10ml	VN-19999-16	10mg/10ml	Dung dịch tiêm truyền tĩnh mạch	Ống 10ml	Tiêm truyền	Ống	Laboratoire Aguettant	Pháp	Hộp 10 ống x 10ml	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN VIMEDIMEX BÌNH DƯƠNG	124.999	50	6.249.950

Handwritten signature

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
BỆNH VIỆN CHẤN THƯƠNG CHỈNH HÌNH

KQ-5A2

STT	STT trong Hồ sơ mời thầu	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SĐK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Công ty dự thầu	Giá trúng thầu	Số lượng trúng thầu	Thành tiền
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)
65	94	Nor-adrenalin (dưới dạng Nor-adrenalin tartrat)	Levonor		VN-20116-16	1mg/ml	Dung dịch tiêm truyền	Ống 1ml	Tiêm	Ống	Warsaw Pharmaceutical Works Polfa S.A	Poland	Hộp 10 ống 1ml	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CPC1	35.000	340	11.900.000
66	97	Paracetamol	Paracetamol B.Braun		VN-19010-15	1000mg/100 ml	Dung dịch truyền	Chai/Lọ 100ml	Truyền	Chai	B. Braun Medical S.A	Spain	Hộp 10 chai nhựa 100ml	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CPC1	41.900	36.860	1.544.434.000
67	100	Paracetamol + Codeine phosphate	Codalgin Forte		VN-13600-11	500mg + 30mg	Viên nén		Uống	Viên	Aspen Pharma Pty., Ltd	Australia	Hộp 2 vỉ x 10 viên	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM NHẬT ANH	3.100	20.900	64.790.000
68	101	Paracetamol + Tramadol hydrochlorid	Paratramol		VN-18044-14	325mg + 37,5mg	Viên nén bao phim		Uống	Viên	Pharmaceutical Works Polpharma S.A	Poland	Hộp 6 vỉ x 10 viên	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM TỰ ĐỨC	7.245	170.000	1.231.650.000
69	105	Promethazine hydrochloride	PIPOLPHEN		VN-19640-16	50mg/2ml	Dung dịch thuốc tiêm	Ống 2ml	Tiêm	Ống	Egis Pharmaceuticals Private Limited company	Hungary	Hộp 100 ống 2ml	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VIỆT HÀ	13.500	280	3.780.000
70	106	Propofol	Propofol-Lipuro 0.5% Inj. 20ml 5's	Propofol-Lipuro 0.5% (5mg/ml)	VN-13505-11	5mg/ml	Nhũ tương tiêm	Lọ/Ống 20ml	Tiêm truyền	Ống	B.Braun Melsungen AG	Đức	Hộp 5 ống tiêm 20ml	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2	103.950	230	23.908.500
71	107	Propofol - Lipuro 10mg/ml MCT& LCT, 20ml	Propofol-Lipuro 1% (10mg/ml) 20ml 1's	Propofol-Lipuro 1% (10mg/ml)	VN-5720-10	10mg/ml	Nhũ tương để tiêm hoặc truyền	Lọ/Ống 20ml	Tiêm truyền	Ống	B.Braun Melsungen AG	Đức	ống 20 ml	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG 2	39.500	4.940	195.130.000
72	109	Ranitidine (dưới dạng Ranitidine hydrochloride)	Raxadoni		VN-16732-13	25mg/1ml	Dung dịch tiêm	Lọ/Ống 2ml	Tiêm	Ống	Demo S.A. Pharmaceutical Industry	Greece	Hộp 5 ống 2ml	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DƯỢC PHẨM THIÊN KIM	22.000	8.900	195.800.000

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
BỆNH VIỆN CHẨN THƯƠNG CHÍNH HÌNH

KQ-5A2

STT	STT trong Hồ sơ mời thầu	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SĐK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Công ty dự thầu	Giá trúng thầu	Số lượng trúng thầu	Thành tiền
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)
73	110	Natri chloride 3.4g/500ml; Kali chloride 0.15g/500ml; Calci chlorid dihydrate 0.19g/500ml; Natri acetate trihydrate 1.64g/500ml; Magnesi chloride hexahydrate 0.1g/500ml; L-Malic acid 0.34g/500ml	Ringerfundin Inj	Ringerfundin	VN-18747-15		Dung dịch tiêm truyền	Chai/Túi 500ml	Tiêm	Chai	B.Braun Melsungen AG	Đức	Hộp 10 chai 500ml	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM TUỆ HẢI	19.950	2.500	49.875.000
74	111	Rocuronium Bromide	Rocuronium Kabi 10mg/ml Inj 10x5ml	Rocuronium Kabi 10mg/ml	VN-18303-14	10mg/ml	Dung dịch tiêm, truyền tĩnh mạch	Lọ/Ống 5ml	Truyền tĩnh mạch	Lọ	Fresenius Kabi Austria GmbH	Áo	Hộp 10 lọ 5ml	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2	64.000	1.200	76.800.000
75	112	Salbutamol (dưới dạng Salbutamol sulfate)	Ventolin Neb Sol 2.5mg/2.5ml 6x5's	Ventolin Nebules	VN-11572-10, VN-20765-17	2,5mg/2,5ml	Dung dịch khí dung	Ống 2,5ml	Dùng cho máy khí dung	Ống	GlaxoSmith Kline Australia Pty Ltd	Úc	Hộp 6 vỉ x 5 ống 2,5ml	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2	4.575	1.300	5.947.500
76	114	Sucralfate	Sucrate gel		VN-13767-11	1g/5ml	Hỗn dịch uống	Gói 5g hoặc 5ml	Uống	Gói	Laboratorio Italiano Biochimico Farmaceutico Lisapharma S.p.A.	Italy	Hộp 30 túi 5ml	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM ĐẠI DƯƠNG	7.800	1.100	8.580.000
77	115	Sufentanil (dưới dạng Sufentanil citrat)	Sufentanil-hameln 50mcg/ml		VN-20250-17	50mcg/ml	Dung dịch tiêm	Ống 1ml	Tiêm	Ống	Hameln Pharmaceuticals GmbH	Germany	Hộp 10 ống 1ml	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CODUPHA	44.940	1.800	80.892.000

Ulu

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
BỆNH VIỆN CHÂN THƯƠNG CHÍNH HÌNH

KQ-5A2

STT	STT trong Hồ sơ môi trường	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SĐK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Công ty dự thầu	Giá trúng thầu	Số lượng trúng thầu	Thành tiền
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)
78	117	Poly (O-2-hydroxyethyl) starch (HES 130/0,4); Natri acetat trihydrate; Natri clorid; Kali clorid; Magnesi clorid hexahydrat	Volulyte IV 6% 1's	Volulyte 6%	VN-19956-16	Mỗi túi 500ml chứa: Poly (O-2-hydroxyethyl) starch (HES 130/0,4) 30g; Natri acetat trihydrate 2,315g; Natri clorid 3,01g; Kali clorid 0,15g; Magnesi clorid hexahydrat 0,15g	Dung dịch truyền	Chai/Túi 500ml	Tiêm truyền	Túi	Fresenius Kabi Deutschland GmbH	Đức	Túi Polyolefine (freeflex) 500ml	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2	90.000	393	35.370.000
79	118	Tolperison hydrochlorid	MYDOCALM 150		VN-17953-14	150mg	Viên nén bao phim		Uống	Viên	Gedcon Richter Plc	Hungary	Hộp 3 vi x 10 viên	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE	2.058	1.800	3.704.400
80	119	Tolperison hydrochlorid	Myderison		VN-5517-10	50mg	Viên nén bao phim		Uống	Viên	Meditop Pharmaceutical Ltd.	Hungary	Hộp 2 vi x 15 viên	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CPC1	1.170	35.950	42.061.500
81	121	Tranexamic acid	Medsamic 250mg/5ml		VN-20801-17	250mg/5ml	Dung dịch tiêm	Ống 5ml	Tiêm	Ống	Medochemie Ltd - Nhà máy thuốc tiêm ống	Cyprus	Hộp 2 vi x 5 ống	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CODUPHA	9.430	3.720	35.079.600
82	122	Trolamine	BIAFINE		VN-9416-09	6,7mg/g	Nhũ tương bôi da	Tuýp 93g	Dùng ngoài	Tuýp	Janssen-Cilag	Pháp	Hộp 1 ống 93g	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VIỆT HÀ	90.000	60	5.400.000
83	123	Vancomycin (dưới dạng Vancomycin hydrochlorid)	Voxin		VN-20141-16	500mg	Bột đông khô pha tiêm		Tiêm	Lọ	Vianex S.A- Nhà máy C	Hy Lạp	Hộp 1 lọ	CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ THÁI AN	61.194	2.180	133.402.920
84	125	Acid Zoledronic (dưới dạng acid zoledronic monohydrat)	Aclasta 5mg/100ml Inf 100ml 1's	Aclasta	VN-19294-15	5mg/100ml	Dung dịch truyền tĩnh mạch	Chai 100ml	Tiêm	Chai	Novartis Pharma Stein AG	Thụy Sĩ	Hộp 1 chai 100ml	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2	6.761.489	53	358.358.917
TỔNG CỘNG																84	17.790.495.652

15/31

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
BỆNH VIỆN CHẨN THƯƠNG CHỈNH HÌNH

KQ-5A2

STT	STT trong Hồ sơ mời thầu	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SĐK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Công ty dự thầu	Giá trúng thầu	Số lượng trúng thầu	Thành tiền
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)
Lô 2: Thuốc sản xuất trên dây chuyền sản xuất đạt tiêu chuẩn EU-GMP hoặc PIC/s-GMP nhưng không thuộc nước tham gia ICH và Australia																	
85	2	Alphachymotrypsin (tương ứng 4.200 IU Chymotrypsin USP)	Statripsine		VD-21117-14	4,2mg	Viên nén		Uống	viên	Chi nhánh Công ty TNHH Liên doanh Stada -Việt Nam	Việt Nam	Hộp 2 vi x 10 viên	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM KHƯƠNG DUY	1.150	946.100	1.088.015.000
86	3	Ampicillin (dưới dạng Ampicillin Natri) + Sulbactam (dưới dạng sulbactam natri)	AUROPENNZ 1.5		VN-17643-14	Ampicillin (dưới dạng Ampicillin Natri) 1g + Sulbactam (dưới dạng sulbactam natri) 0,5g	Bột pha tiêm		Tiêm	Lọ	Aurobindo Pharma Ltd.	India	Hộp 1 lọ + 1 ống nước pha tiêm 5ml	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DƯỢC PHẨM NAM KHANG	34.020	35.930	1.222.338.600
87	5	Calcitriol	MEDITROL		VN-18020-14	0,25mcg	Viên nang mềm		Uống	Viên	Mega Lifesciences Public Company Ltd.	Thailand	Hộp 3 vi x 10 viên	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM THIẾT BỊ Y TẾ HÀ NỘI	2.600	5.700	14.820.000
88	6	Cefaclor (dưới dạng cefaclor monohydrat)	SCD Cefaclor 250mg		VD-26433-17	250mg	Viên nang cứng		Uống	Viên	Công ty cổ phần Pymepharc o	Việt Nam	Hộp 2 vi x 10 viên	CÔNG TY CỔ PHẦN PYMEPHARCO	3.620	2.200	7.964.000
89	7	Cefazolin (dưới dạng cefazolin natri)	ZOLIFAST 2000		VD-23022-15	2g	Thuốc bột pha tiêm		Tiêm	Lọ	Công ty cổ phần dược phẩm Tenamyd	Việt Nam	Hộp 10 lọ	CÔNG TY CPDP TENAMYD	35.700	1.390	49.623.000
90	8	Celecoxib	Celofin 200		VN-19973-16	200mg	Viên nang cứng		Uống	Viên	Hetero Lab Limited	India	Hộp 3 vi x 10 viên	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CODUPHA	850	38.800	32.980.000
91	9	Phân đoạn flavonoid vi hạt tính chất tương ứng với: Diosmin; Các flavonoid biểu thị bằng hesperidin	Diosmin Stada 500mg		VD-22349-15	Phân đoạn flavonoid vi hạt tính chất tương ứng với: Diosmin 450mg; Các flavonoid biểu thị bằng hesperidin 50mg	Viên nén bao phim		Uống	viên	Chi nhánh Công ty TNHH Liên doanh Stada -Việt Nam	Việt Nam	Hộp 6 vi x 10 viên	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM KHƯƠNG DUY	1.310	5.750	7.532.500

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
BỆNH VIỆN CHẤN THƯƠNG CHÍNH HÌNH

KQ-5A2

STT	STT trong Hồ sơ môi trường	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SĐK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Công ty dự thầu	Giá trúng thầu	Số lượng trúng thầu	Thành tiền
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)
92	10	Enoxaparin natri	Lupiparin		VN-17089-13	60mg/0,6ml	Bơm tiêm đóng sẵn thuốc	Bơm tiêm 0,6ml	Tiêm	Bơm tiêm	Shenzhen Techdow Pharmaceutical Co., Ltd	China	Hộp chứa 2 bơm tiêm (0,6ml)	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CPC1	87.400	630	55.062.000
93	11	Eperison hydroclorid	Savi Eperisone 50		VD-21351-14	50mg	Viên nén bao phim		uống	viên	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi (SaVipharma J.S.C)	Việt Nam	Hộp 5 vi x 10 viên	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM SAVI (SAVIPHARM)	940	78.060	73.376.400
94	12	Etodolac	Savi Etodolac 200		VD-23005-15	200mg	Viên nén bao phim		uống	viên	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi	Việt Nam	Hộp 3 vi x 10 viên	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM SAVI (SAVIPHARM)	3.690	11.800	43.542.000
95	13	Etoricoxib	NUCOXIA 90		VN-13085-11	90mg	Viên nén bao phim		Uống	Viên	Cadila Healthcare Ltd.	India	Hộp 10 vi x 10 viên	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM THIẾT BỊ Y TẾ HÀ NỘI	3.670	24.250	88.997.500
96	14	Succinylated Gelatin (Modified fluid gelatin); Sodium clorid; Sodium hydroxid	Gelofusine 20g/ 500ml 500ml 10's	Gelofusine	VN-20882-18	Mỗi 500ml chứa: Succinylated Gelatin (Modified fluid gelatin) 20,0g; Sodium clorid 3,505g; Sodium hydroxid 0,68g	Dung dịch tiêm truyền	Chai 500ml	Tiêm truyền	Chai nhựa	B.Braun Medical Industries Sdn. Bhd	Malaysia	Hộp 10 chai plastic 500ml	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2	116.000	370	42.920.000
97	21	Pregabalin	Axogurd 75		VN-18605-15	75mg	Viên nang cứng		Uống	Viên	MSN Laboratories Private Limited	India	Hộp 3 vi x 10 viên	CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	2.900	6.000	17.400.000
98	22	Rocuronium Bromide	Rocuronium Kabi 10mg/ml Inj 10x5ml	Rocuronium Kabi 10mg/ml	VN-18303-14	10mg/ml	Dung dịch tiêm, truyền tĩnh mạch	Lọ/Ống 5ml	Truyền tĩnh mạch	Lọ	Fresenius Kabi Austria GmbH	Áo	Hộp 10 lọ 5ml	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2	64.000	900	57.600.000

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
BỆNH VIỆN CHẨN THƯƠNG CHÍNH HÌNH

KQ-5A2

STT	STT trong Hồ sơ môi trường	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SĐK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Công ty dự thầu	Giá trúng thầu	Số lượng trúng thầu	Thành tiền
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)
99	24	Poly (O-2-hydroxyethyl) starch (HES 130/0,4); Natri acetat trihydrate; Natri clorid; Kali clorid; Magnesi clorid hexahydrat	Volulyte IV 6% 1's	Volulyte 6%	VN-19956-16	Mỗi túi 500ml chứa: Poly (O-2-hydroxyethyl) starch (HES 130/0,4) 30g; Natri acetat trihydrate 2,315g; Natri clorid 3,01g; Kali clorid 0,15g; Magnesi clorid hexahydrat 0,15g	Dung dịch truyền	Chai/Túi 500ml	Tiêm truyền	Túi	Fresenius Kabi Deutschland GmbH	Đức	Túi Polyolefine (freeflex 500ml)	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2	90.000	160	14.400.000
100	25	Acid tranexamic	Haemostop Inj 50mg/ml	Haemostop	VN-11014-10	50mg/ml	Dung dịch tiêm	Ống 5ml	Tiêm	Ống	PT. Novell Pharmaceutical Laboratories	Indonesia	Hộp 5 ống x 5ml	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN VIMEDIMEX BÌNH DƯƠNG	8.450	2.480	20.956.000
101	26	Acid Ursodeoxycholic	SAVI URSO 300		VD-23009-15	300mg	Viên nén bao phim		Uống	Viên	Cty CP DP Savi	Việt Nam	Hộp 3 vỉ x 10 viên	CÔNG TY TNHH TM DƯỢC PHẨM THIÊN THỂ	8.350	3.750	31.312.500
102	27	Thiamin mononitrat + Pyridoxin HCl + Cyanocobaniamin	SAVI 3B		VD-16030-11	Thiamin mononitrat 100mg, pyridoxin HCl 100mg, cyanocobaniamin 0,15mg	Viên nén bao phim		Uống	Viên	Cty CP DP Savi	Việt Nam	Hộp 10 vỉ x 10 viên	CÔNG TY TNHH TM DƯỢC PHẨM THIÊN THỂ	1.495	160.000	239.200.000
TỔNG CỘNG																18	3.108.039.500
Lô 3: Thuốc sản xuất trên dây chuyền sản xuất đạt tiêu chuẩn WHO-GMP được Bộ Y tế Việt Nam cấp giấy chứng nhận																	
103	1	Acetylcystein	Acetylcystein		VD-21827-14	200mg	Thuốc bột uống		Uống	gói	Công ty CPDP Cửu Long	Việt Nam	Hộp 100 gói x 1g	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG	420	6.200	2.604.000
104	3	Các acid amin	Aminosteril Sol 10% 250ml 1's	Aminosteril 10%	VD-19242-13	10%	Dung dịch tiêm truyền	Chai/Túi 250ml	Tiêm truyền tĩnh mạch (IV)	Chai	Công ty CP Fresenius Kabi Bidiphar	Việt Nam	Chai 250ml	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2	72.000	64	4.608.000

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
BỆNH VIỆN CHÂN THƯƠNG CHINH HINH

KQ-5A2

STT	STT trong Hồ sơ mời thầu	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SĐK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Công ty dự thầu	Giá trúng thầu	Số lượng trúng thầu	Thành tiền
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)
105	4	Các acid amin	Aminosteril sol 10% 500ml 1's	Aminosteril 10%	VD-19242-13	10%	Dung dịch tiêm truyền	Chai/Túi 500ml	Tiêm truyền tĩnh mạch (IV)	Chai	Công ty CP Fresenius Kabi Bidiphar	Việt Nam	Chai 500ml	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2	82.000	120	9.840.000
106	5	L-Isoleucin; L-Leucin; L-Lysin.HCl; L-Methionin; L-Phenylalanin; L-Threonin; L-Tryptophan; L-Valin; L-Arginin HCl; L-Histidin HCl; Glycin; L-Alanin; L-Prolin; L-Aspartic acid; L-Asparagin.H2O; L-Glutamic acid; L-Ornithin HCl; L-Serin; L-Tyrosin	Aminoacid Kabi 5% 500ml	Aminoacid Kabi 5%	VD-25361-16	Mỗi 250ml chứa: 0,6375g; 1,1125g; 0,875g; 0,475g; 0,6375g; 0,5125g; 0,225g; 0,6g; 1,15g; 0,65g; 0,9875g; 1,7125g; 1,1125g; 0,1625g; 0,465g; 0,575g; 0,4g; 0,3g; 0,075g	Dung dịch tiêm truyền	Chai/Túi 500ml	Tiêm	Chai	Công Ty Cổ Phần Fresenius Kabi Bidiphar	Việt Nam	Chai 500ml	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI - DƯỢC PHẨM THIÊN CHÂU A.P.T	58.800	1.800	105.840.000
107	6	Mỗi 200ml chứa: L-arginin HCL, L-histidine HCL.H2O, L-methionine, L-phenylalanine, L-threonine, L-valine, Glycin, L-lysine HCL, L-tryptophan, L-leucine, L-isoleucine, L-proline, L-serin, L-alanine, L-cystein HCL.H2O	Aminoleban	Aminoleban	VD-27298-17	1.46g + 0.64g + 0.2g + 0.2g + 0.9g + 1.68g + 1.8g + 1.52g + 0.14g + 2.2g + 1.8g + 1.6g + 1g + 1.5g + 0.08g.	Dung dịch tiêm truyền tĩnh mạch	Chai/Túi 500ml	Tiêm	Chai	Công ty cổ phần Otsuka OPV	Việt Nam	Chai 500ml	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CODUPHA	154.000	60	9.240.000
108	8	Alphachymotrypsin	Katrypsin		VD-18964-13	21 microkats	Viên nén		Uống	viên	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hòa	Việt Nam	Hộp 15 vi x 10 viên	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM KHÁNH HÒA	123	946.100	116.370.300
109	11	Hỗn hợp Ampicilin natri và Sulbactam natri	Visulin 2g/1g		VD-27150-17	Ampicilin 2g + Sulbactam 1g	Thuốc bột pha tiêm		Tiêm	Lọ	Công ty CPDP VCP	Việt Nam	Hộp 10 lọ	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CPC1	55.000	5.000	275.000.000

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
BỆNH VIỆN CHÂN THƯƠNG CHÍNH HÌNH

KQ-5A2

STT	STT trong Hồ sơ mời thầu	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SĐK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Công ty dự thầu	Giá trúng thầu	Số lượng trúng thầu	Thành tiền
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)
110	12	Arginin HCl	Arginine Stada		VD-23336-15	1g/5ml	Dung dịch uống		Uống	ống	Chi nhánh Công ty TNHH Liên doanh Stada -Việt Nam	Việt Nam	Hộp 20 ống x 5ml	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM KHƯƠNG DUY	2.000	740	1.480.000
111	14	Attapulgit, nhôm hydroxyd khô, magnesi carbonat	EUROPULGITE		VD-14848-11	Attapulgit 2500mg, nhôm hydroxyd khô 250mg, magnesi carbonat 250mg	Thuốc bột pha hỗn dịch uống		Uống	Gói	Công ty dược Trung Ương 3	Việt Nam	Hộp 30 gói x 3g	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN TÂY ÂU	1.140	4.880	5.563.200
112	15	Calci gluconolactat + Calci carbonat	GONCAL		VD-20946-14	1,47g + 0,15g	Viên nén		Uống	Viên	Công ty cổ phần dược phẩm Đạt Vi Phú	Việt Nam	Hộp 60 viên	CÔNG TY CỔ PHẦN GON SA	1.890	63.330	119.693.700
113	16	Calci carbonat + calci lactat gluconat	Calcium VPC 500		VD-26778-17	300mg + 2940mg	Viên nén sủi bọt		Uống	viên	Công ty CPDP Cửu Long	Việt Nam	Hộp 1 tuýp 20 viên	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG	1.235	195.700	241.689.500
114	17	Calci carbonat + Vitamin D3	DENSTRA		VD-13852-11	300mg + 100IU	Viên nang mềm		Uống	Viên	Cty CP DP Phương Đông	Việt Nam	Hộp 10 vi x 10 viên	CÔNG TY TNHH TM DƯỢC PHẨM THIÊN THỂ	750	76.000	57.000.000
115	18	Calci carbonat + Cholecalciferol	CALSID 1250		VD-9759-09	750mg + 100IU	Viên nang mềm		Uống	Viên	Công ty liên doanh dược phẩm Mecbiphar-Austrapharm	Việt Nam	Hộp 20 vi x 5 viên	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM SONG VIỆT	900	126.000	113.400.000
116	19	Calci clorid dihydrat	Calci clorid 500mg/ 5ml		VD-22935-15	500mg/5ml	Dung dịch tiêm	Ống 5ml	Tiêm	Ống	Công ty CPDP Minh Dân	Việt Nam	Hộp 50 ống x 5ml	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM MINH DÂN	988	3.000	2.964.000
117	20	Calci glycerophosphat + Magnesi gluconat	A.T Calmax	A.T Calmax	VD-26104-17	456mg + 426mg	Dung dịch uống	Ống 10ml	Uống	Ống 10ml	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên	Việt Nam	Hộp 30 ống nhựa x 10ml	CÔNG TY CPDP AN THIÊN	1.764	79.550	140.326.200
118	21	Calcium lactat pentahydrat	CLIPOXID-300		VD-19652-13	300mg	Viên nén		Uống	Viên	Công ty cổ phần dược phẩm Đạt Vi Phú	Việt Nam	Hộp 6 vi x 10 viên nén	CÔNG TY CỔ PHẦN GON SA	1.800	126.600	227.880.000

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
BỆNH VIỆN CHẤN THƯƠNG CHỈNH HÌNH

KQ-5A2

STT	STT trong Hồ sơ mời thầu	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SĐK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Công ty dự thầu	Giá trúng thầu	Số lượng trúng thầu	Thành tiền
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)
119	22	Cao ginkgo biloba + Heptaminol hydroclorid + Troxerutin	Dopolys-S		VD-19629-13	14mg 300mg 300mg	+ Viên nang + cứng		Uống	Viên	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco	Việt Nam	Hộp 3 vi x 10 viên	CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ DOMESCO	2.577	1.490	3.839.730
120	23	Cefazolin (dưới dạng Cefazolin natri)	Cephazomid 2g		VD-22187-15	2g	Bột pha tiêm		Tiêm	Lọ	Công ty CPDP Minh Dân	Việt Nam	Hộp 1 lọ	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM MINH DÂN	29.150	930	27.109.500
121	24	Cefoperazon (dưới dạng cefoperazon natri)	Bifoazon 1g		VD-28227-17	1g	Thuốc bột pha tiêm		Tiêm	Lọ	Công ty cổ phần Dược - TTBYT Bình Định (Bidiphar)	Việt Nam	Hộp 10 lọ	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - TRANG THIẾT BỊ Y TẾ BÌNH ĐỊNH (BIDIPHAR)	9.450	3.260	30.807.000
122	25	Ceftazidim	TV-Zidim 1g		VD-18396-13	1g	Bột pha tiêm		Uống	Lọ	Công ty cổ phần dược phẩm TV.PHARM	Việt Nam	Hộp 10 lọ	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TV.PHARM	10.180	4.150	42.247.000
123	26	Celecoxib	Devitoc 100mg		VD-19426-13	100mg	Viên nén sủi		Uống	Viên	Công ty cổ phần DP Phương Đông	Việt Nam	Tuýp 20 viên	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM AN	3.590	62.950	225.990.500
124	27	Celecoxib	Vicoxib 200		VD-19336-13	200mg	Viên nang cứng		Uống	viên	Công ty CPDP Cửu Long	Việt Nam	Hộp 3 vi x 10 viên	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG	379	38.800	14.705.200
125	28	Colchicin	COLCHICINE GALIEN		VD-22784-15	1mg	Viên nén		Uống	Viên	Công ty cổ phần dược phẩm 3/2	Việt Nam	Hộp 1vi x 20viên	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM 3/2	210	750	157.500
126	30	Dexibuprofen	Philrogam		VD-9849-09	300mg	Viên nang mềm		Uống	Viên	Công ty TNHH Phil Inter Pharma	Việt Nam	Hộp 10 vi x 10 viên	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM AN	2.320	63.300	146.856.000
127	32	Diazepam	DIAZEPAM 5MG		VD-24311-16	5mg	Viên nén		Uống	Viên	CN công ty CPDP TW Vidipha tại Bình Dương	Việt Nam	Hộp 10 vi x 10 viên	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DƯỢC SÀI GÒN	164	45.800	7.511.200
128	33	Diclofenac sodium	Diclofenac 75mg		VD-17672-12	75mg	Viên bao phim tan trong ruột		Uống	Viên	Công ty Cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	Việt Nam	Hộp 3 vi x 10 viên	CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA - DƯỢC PHẨM MEKOPHAR	328	23.200	7.609.600

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

BỆNH VIỆN CHẨN THƯƠNG CHỈNH HÌNH

KQ-5A2

STT	STT trong Hồ sơ mời thầu	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SĐK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Công ty dự thầu	Giá trúng thầu	Số lượng trúng thầu	Thành tiền
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)
129	37	Esomeprazol (dưới dạng Esomeprazol natri)	A.T Esomeprazol 40 inj		VD-24727-16	40mg	Bột đông khô pha tiêm		Tiêm	Lọ	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên	Việt Nam	Hộp 5 lọ thuốc + 5 ống dung môi 5ml (dung môi NaCl 0,9%)	CÔNG TY CPDP AN THIÊN	15.960	100	1.596.000
130	38	Esomeprazol (dạng vi hạt bao tan trong ruột Esomeprazol magnesium dihydrat)	Prazopro 40mg		VD-19498-13	40mg	Viên nang cứng		Uống	Viên	Công ty cổ phần dược phẩm TV.PHARM	Việt Nam	Hộp 2 vi x 7 viên	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TV.PHARM	908	260	236.080
131	39	Ethambutol HCl	Ethambutol 400mg		VD-15517-11	400mg	Viên bao phim		Uống	Viên	Công ty Cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	Việt Nam	Hộp 20 vi x 10 viên	CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA-DƯỢC PHẨM MEKOPHAR	1.035	6.150	6.365.250
132	40	Etoricoxib	MAGRAX-F		VD-19172-13	120mg	Viên nén bao phim		Uống	Viên	Công ty cổ phần dược phẩm Đạt Vi Phú	Việt Nam	Hộp 3 vi x 10 viên	CÔNG TY CỔ PHẦN GON SA	2.290	9.380	21.480.200
133	41	Etoricoxib	Etoricoxib 60		VD-27915-17	60mg	Viên nén bao phim		Uống	viên	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hòa	Việt Nam	Hộp 10 vi x 10 viên	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM KHÁNH HÒA	830	26.000	21.580.000
134	42	Etoricoxib	Etoricoxib 90		VD-27916-17	90mg	Viên nén bao phim		Uống	viên	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hòa	Việt Nam	Hộp 10 vi x 10 viên	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM KHÁNH HÒA	830	9.700	8.051.000
135	43	Gabapentin	GAPTINEW		VD-27758-17	300mg	Viên nang cứng		Uống	Viên	Agimexpharm	Việt Nam	H/3 vi x 10 viên	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AGIMEXPHARM	575	37.400	21.505.000
136	44	Glucose khan	Glucose 30% 500ml	Glucose 30%	VD-23167-15	30g/100ml	Dung dịch tiêm truyền	Chai 500ml	Tiêm truyền	Chai	Công Ty Cổ Phần Fresenius Kabi Bidiphar	Việt Nam	Chai 500ml	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI - DƯỢC PHẨM THIÊN CHÂU A.P.T	14.490	50	724.500
137	46	Globulin kháng độc tố uốn ván	Huyết thanh kháng độc tố uốn ván tinh chế (SAT)		QLSP-1037-17	1500 đvqt	Dung dịch tiêm	Lọ/Ống 1ml	Tiêm	ống	Viện Vắc Xin Và Sinh Phẩm Y Tế (IVAC)	Việt Nam	Hộp 20 ống, hai vi x 1500 đvqt	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CODUPHA	22.943	13.200	302.847.600

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
BỆNH VIỆN CHẤN THƯƠNG CHỈNH HÌNH

KQ-5A2

STT	STT trong Hồ sơ mời thầu	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SĐK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Công ty dự thầu	Giá trúng thầu	Số lượng trúng thầu	Thành tiền
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)
138	47	Ibuprofen	A.T Ibuprofen syrup		VD-25631-16	100mg/5ml	Hỗn dịch uống	Chai 60ml	Uống	Chai	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên	Việt Nam	Hộp 1 chai 60ml	CÔNG TY CPDP AN THIÊN	24.150	160	3.864.000
139	49	Isoniazid	Meko INH 150		VD-15523-11	150mg	Viên nén		Uống	Viên	Công ty Cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	Việt Nam	Hộp 1 chai 100 viên	CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA - DƯỢC PHẨM MEKOPHAR	167	8.400	1.402.800
140	50	Kali clorid	Kali clorid Kabi 10%		VD-19566-13	1g/10ml	Dung dịch tiêm	Ống 10ml	Tiêm	Ống	Công Ty Cổ Phần Fresenius Kabi Bidiphar	Việt Nam	Hộp 50 ống x 10ml	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI - DƯỢC PHẨM THIÊN CHÂU A.P.T	1.890	1.750	3.307.500
141	51	Kẽm (dưới dạng Kẽm gluconat)	Atizinc		VD-24740-16	10mg	Viên nén phân tán		Uống	Viên	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên	Việt Nam	Hộp 10 vỉ x 10 viên	CÔNG TY CPDP AN THIÊN	284	3.600	1.022.400
142	52	Ketorolac tromethamin	KOZERAL		VD-18511-13	10mg	Viên nén bao phim		Uống	Viên	Công ty cổ phần dược phẩm Đạt Vi Phú	Việt Nam	Hộp 6 vỉ x 10 viên	CÔNG TY CỔ PHẦN GON SA	1.500	2.560	3.840.000
143	53	Lidocain HCL	Lidocain Kabi 2 % 20ml	Lidocain Kabi 2%	VD-18804-13	400mg/20ml	Dung dịch tiêm	Lọ/Ống 20ml	Tiêm	Lọ	Công Ty Cổ Phần Dược - Trang Thiết Bị Y Tế Bình Định	Việt Nam	Hộp 10 lọ x 20ml	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI - DƯỢC PHẨM THIÊN CHÂU A.P.T	14.070	19.600	275.772.000
144	54	Linezolid	Forlen		VD-19658-13	600mg	Viên nén bao phim		Uống	Viên	Công ty cổ phần dược phẩm Đạt Vi Phú	Việt Nam	Hộp 2 vỉ x 10 viên	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM ĐẠI DƯƠNG	15.500	2.300	35.650.000
145	55	Lisinopril (dưới dạng lisinopril dihydrat)	Dorotril 10mg		VD-23899-15	10mg	Viên nén		Uống	Viên	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco	Việt Nam	Hộp 2 vỉ x 14 viên	CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ DOMESCO	588	1.750	1.029.000
146	56	Loxoprofen (natrihydrat tương ứng 60mg Loxoprofen natri)	Loxoprofen		GC-0183-12	60mg Loxoprofen natr	Viên nén		Uống	viên	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm 3/2	Việt Nam	Hộp 10 vỉ x 10 viên	CÔNG TY TNHH TMDP CÁT THÀNH	1.190	14.000	16.660.000

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
BỆNH VIỆN CHẨN THƯƠNG CHỈNH HÌNH

KQ-5A2

STT	STT trong Hồ sơ mời thầu	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Công ty dự thầu	Giá trúng thầu	Số lượng trúng thầu	Thành tiền
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)
147	57	Magnesi sulfat	Magnesi sulfat Kabi 15%		VD-19567-13	1,5g/10ml	Dung dịch tiêm	Ống 10ml	Tiêm	Ống	Công Ty Cổ Phần Fresenius Kabi Bidiphar	Việt Nam	Hộp 50 ống x 10ml	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI - DƯỢC PHẨM THIÊN CHÂU A.P.T	2.583	220	568.260
148	58	Bột hạt malva + Xanh methylen + Camphor monobromid	Domitazol	Domitazol	VD-22627-15	250mg + 25mg + 20mg	Viên nén bao đường		Uống	Viên	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco	Việt Nam	Hộp 5 vi x 10 viên	CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ DOMESCO	920	2.850	2.622.000
149	59	Mecobalamin	Galanmer		VD-28236-17	500 mcg	Viên nang cứng		Uống	Viên	Công ty cổ phần Dược - TTBYT Bình Định (Bidiphar)	Việt Nam	Hộp 10 vi x 10 viên	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - TRANG THIẾT BỊ Y TẾ BÌNH ĐỊNH (BIDIPHAR)	520	216.650	112.658.000
150	60	Mephenesin	Detracyl 250		VD-20186-13	250mg	Viên nén bao đường		Uống	viên	Công ty CPDP Cửu Long	Việt Nam	Hộp 10 vi x 20 viên	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG	130	81.000	10.530.000
151	61	Mephenesin	AGIDECOTYL 500		VD-25604-16	500mg	Viên nén bao phim		Uống	Viên	Agimexpharm	Việt Nam	H/2 vi x 12 viên	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AGIMEXPHARM	299	3.300	986.700
152	62	Methyl prednisolon (dưới dạng Methyl prednisolon natri succinat)	Atisolu 125 inj		VD-25648-16	125mg	Bột đông khô pha tiêm		Tiêm	Lọ	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên	Việt Nam	Hộp 5 lọ + 5 ống dung môi 2ml	CÔNG TY CPDP AN THIÊN	32.340	320	10.348.800
153	63	Metoclopramid hydroclorid	Metoran	Metoran	VD-25093-16	10mg/2ml	Dung dịch tiêm	Ống 2ml	Tiêm	Ống	Công ty CP Dược Danapha	Việt Nam	Hộp 10 ống x 2ml	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC DANAPHA	1.407	6.100	8.582.700
154	64	Morphin hydroclorid	Morphin (Morphin hydroclorid 10mg/ml)		VD-24315-16	10mg/ml	Dung dịch tiêm	Ống 1ml	Tiêm	Ống	Chi nhánh Công ty cổ phần dược phẩm trung ương Vidipha tại Bình Dương	Việt Nam	Hộp 10 ống x 1ml; hộp 25 ống x 1ml	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CODUPHA	4.200	2.300	9.660.000

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
BỆNH VIỆN CHẤN THƯƠNG CHÍNH HÌNH

KQ-5A2

STT	STT trong Hồ sơ mời thầu	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Công ty dự thầu	Giá trúng thầu	Số lượng trúng thầu	Thành tiền
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)
155	65	Nabumeton	MEBUFEN 750		VD-20234-13	750mg	Viên nén bao phim		Uống	Viên	Cty CP DP OPV	Việt Nam	Hộp 3 vi x 10 viên	CÔNG TY TNHH TM DƯỢC PHẨM THIÊN THỂ	5.140	6.100	31.354.000
156	66	Natri Clorid	NATRI CLORID 0,9%		VD-26717-17	Mỗi 100ml chứa: natri clorid 0,9g	Dung dịch dùng ngoài	Chai 500ml	Dùng ngoài	Chai	Công ty cổ phần dược phẩm 3/2	Việt Nam	Chai 500ml	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM 3/2	6.825	104.900	715.942.500
157	67	Natri Clorid	NATRI CLORID 0,9%		VD-26717-17	Mỗi 100ml chứa: natri clorid 0,9g	Dung dịch dùng ngoài	Chai 1000ml	Dùng ngoài	Chai	Công ty cổ phần dược phẩm 3/2	Việt Nam	Chai 1000ml	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM 3/2	9.975	13.000	129.675.000
158	68	Natri clorid	Natri clorid 0,9% 100ml	Natri clorid 0,9%	VD-21954-14	0,9g/100ml	Dung dịch tiêm truyền	Chai 100ml	Tiêm truyền	Chai	Công Ty Cổ Phần Fresenius Kabi Bidiphar	Việt Nam	Chai 100ml	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI - DƯỢC PHẨM THIÊN CHÂU A.P.T	7.665	8.000	61.320.000
159	69	Natri clorid	Sodium chloride 0,9%		VD-24019-15	0,9g/100ml	Dung dịch tiêm truyền tĩnh mạch	Chai/Túi 500ml	Tiêm	Chai	Công ty cổ phần Otsuka OPV	Việt Nam	Chai 500ml	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CODUPHA	8.000	165.500	1.324.000.000
160	73	Mỗi 500 ml chứa: Natri clorid; Kali clorid; Monobasic kali phosphat; Natri acetat.3H ₂ O; Magne sulfat.7H ₂ O; Kẽm sulfat.7H ₂ O; Dextrose Anhydrous	Glucolyte-2	Glucolyte-2	VD-25376-16	Mỗi 500ml chứa: Acetate 5mEq, Cl- 38.5mEq, Dextrose 37.5g, K+ 10mEq, Mg2+ 2.5mEq, Na+ 38.5mEq, Phosphat 5mmol, Sulfat 2.5mEq, Zn2+ 0,04mEq	Dung dịch tiêm truyền tĩnh mạch	Chai 500ml	Tiêm	Chai	Công ty cổ phần Otsuka OPV	Việt Nam	Chai 500ml	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CODUPHA	17.000	3.000	51.000.000
161	74	Natri bicarbonat	Natri bicarbonat 1,4% 250ml	Natri bicarbonat 1,4 %	VD-25877-16	1,4g/100ml	Dung dịch tiêm truyền	Chai 250ml	Tiêm	Chai	Công Ty Cổ Phần Fresenius Kabi Bidiphar	Việt Nam	Chai 250ml	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI - DƯỢC PHẨM THIÊN CHÂU A.P.T	32.000	30	960.000

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
BỆNH VIỆN CHÂN THƯƠNG CHÍNH HÌNH

KQ-5A2

STT	STT trong Hồ sơ môi trường	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Công ty dự thầu	Giá trúng thầu	Số lượng trúng thầu	Thành tiền
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)
162	76	Papaverin hydroclorid	Papaverin 2%		VD-26681-17	40mg/2ml	Dung dịch tiêm	Ống 2ml	Tiêm	Ống	Công ty CP Dược Danapha	Việt Nam	Hộp 10 ống x 2ml	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC DANAPHA	3.465	3.300	11.434.500
163	77	Paracetamol	Bé nóng	Bé nóng	VD-20547-14	100mg	Viên nén		Uống	viên	CTy TNHH MTV Dược phẩm DHG	Việt Nam	Chai 100 viên	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HẬU GIANG	70	6.600	462.000
164	78	Paracetamol	Biragan 150		VD-21236-14	150mg	Thuốc đạn		Viên đặt hậu môn	Viên	Công ty cổ phần Dược - TTBYT Bình Định (Bidiphar)	Việt Nam	Hộp 2 vi x 5 viên	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - TRANG THIẾT BỊ Y TẾ BÌNH ĐỊNH (BIDIPHAR)	1.512	2.000	3.024.000
165	79	Paracetamol	Paracetamol Kabi 1000		VD-19568-13	1000mg/100 ml	Dung dịch tiêm truyền	Chai/Lọ 100ml	Tiêm truyền	Chai	Công ty Cổ Phần Fresenius Kabi Bidiphar	Việt Nam	Chai 100ml	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI - DƯỢC PHẨM THIÊN CHÂU A.P.T	18.480	24.580	454.238.400
166	80	Paracetamol	Biragan 300		VD-23136-15	300mg	Thuốc đạn		Viên đặt hậu môn	Viên	Công ty cổ phần Dược - TTBYT Bình Định	Việt Nam	Hộp 2 vi x 5 viên	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - TRANG THIẾT BỊ Y TẾ BÌNH ĐỊNH (BIDIPHAR)	1.785	1.900	3.391.500
167	81	Paracetamol	Panactol 325mg		VD-19389-13	325mg	Viên nén		Uống	viên	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hòa	Việt Nam	Chai 1000 viên	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM KHÁNH HÒA	86	44.300	3.809.800
168	82	Paracetamol + codcin phosphat hemihydrat	Panalganecffer Codcin		VD-17903-12	500mg + 30mg	Viên nén sủi bọt		Uống	viên	Công ty CPDP Cửu Long	Việt Nam	Hộp 4 vi x 4 viên	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG	1.215	20.900	25.393.500
169	83	Paracetamol + Tramadol HCl	Pantracet		VD-20870-14	325mg + 37,5mg	Viên nén bao phim		Uống	Viên	Công ty cổ phần dược phẩm TV.PHAR M	Việt Nam	Hộp 10 vi x 10 viên	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TV.PHARM	368	113.350	41.712.800
170	84	Vitamin K1	Vitamin K1 10mg/ml	Vitamin K1 10mg/1ml	VD-18191-13	10mg/1ml	Dung dịch tiêm	Ống 1ml	Tiêm bắp, tiêm truyền tĩnh mạch	Ống	Công ty CP Dược Danapha	Việt Nam	Hộp 10 ống x 1ml	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC DANAPHA	1.890	3.400	6.426.000

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
BỆNH VIỆN CHẤN THƯƠNG CHỈNH HÌNH

KQ-5A2

STT	STT trong Hồ sơ mời thầu	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SĐK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Công ty dự thầu	Giá trúng thầu	Số lượng trúng thầu	Thành tiền
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)
171	85	Povidone iodine	POVIDONE		VD-17882-12	10%	Dung dịch dùng ngoài	Chai/Lọ 90ml	Dùng ngoài	Chai	Agimexpharm	Việt Nam	Chai 90ml	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AGIMEXPHARM	7.950	4.150	32.992.500
172	86	Povidon iodine	POVIDON IODIN 10%	POVIDON IODIN 10%	VD-28005-17	Mỗi chai 20ml chứa Povidon iodine 2g	Dung dịch dùng ngoài	Chai/Lọ 500ml	Dùng ngoài	Chai	Công ty cổ phần Dược S.Pharm	Việt Nam	Chai 500ml	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC S PHARM	37.000	14.000	518.000.000
173	87	Povidon iod	POVIDINE		VD-15137-11	4%	Dung dịch dùng ngoài	Chai/Lọ 800ml	Dùng ngoài	Chai	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Dược Liệu Pharmedic	Việt Nam	CHAI 800ml	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM DƯỢC LIỆU PHARMEDIC	58.527	8.350	488.700.450
174	88	Pregabalin	Antivic 75		VD-26751-17	75mg	Viên nang cứng		Uống	Viên	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên	Việt Nam	Hộp 10 vi x 10 viên	CÔNG TY CPDP AN THIÊN	1.491	6.000	8.946.000
175	89	Pyrazinamid	Pyrazinamide 500mg		VD-24414-16	500mg	Viên nén		Uống	Viên	Công ty Cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	Việt Nam	Hộp 10 vi x 10 viên	CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA-DƯỢC PHẨM MEKOPHAR	542	7.100	3.848.200
176	90	Ranitidin (dưới dạng Ranitidin hydroclorid)	A.T Ranitidine inj		VD-24133-16	50mg/2ml	Dung dịch tiêm	Lọ/Ống 2ml	Tiêm	ống	Nhà máy sản xuất Dược Phẩm An Thiên	Việt Nam	Hộp 10 ống x 2ml	CÔNG TY CPDP AN THIÊN	2.919	3.550	10.362.450
177	91	Rifampicin	AGIFAMCIN 300		VD-14223-11	300mg	Viên nang		Uống	Viên	Agimexpharm	Việt Nam	H/10 vi x 10 viên	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AGIMEXPHARM	1.900	7.850	14.915.000
178	92	Sodium chloride + Potassium chloride + Calcium chloride dihydrate + Sodium acetate trihydrate	Acetate Ringer		VD-15871-11		Dung dịch tiêm truyền tĩnh mạch	Chai/Túi 500ml	Tiêm truyền	Chai	Công ty Cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	Việt Nam	Chai 500ml	CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA-DƯỢC PHẨM MEKOPHAR	16.000	2.500	40.000.000
179	94	Dextrose khan; Natri clorid; Kali clorid; Natri lactat; Calci clorid.2H2O	Lactated Ringer's and Dextrose		VD-21953-14	11,365g/250ml; 1,5g/250ml; 75mg/250ml; 750mg/250ml; 50mg/250ml	Dung dịch tiêm truyền	Chai 500ml	Tiêm truyền	Chai	Công Ty Cổ Phần Fresenius Kabi Bidiphar	Việt Nam	Chai 500ml	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI - DƯỢC PHẨM THIÊN CHÂU A.P.T	10.290	13.000	133.770.000

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
BỆNH VIỆN CHÂN THƯƠNG CHÍNH HÌNH

KQ-5A2

STT	STT trong Hồ sơ mời thầu	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Công ty dự thầu	Giá trúng thầu	Số lượng trúng thầu	Thành tiền
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)
180	96	Sắt fumarat + acid folic + Vitamin B12	Bofit F		VD-15977-11	162mg + 0,75mg + 7,5mcg	Viên nang + mềm		Uống	viên	CTCP Dược Hậu Giang	Việt Nam	Hộp 3 vi x 10 viên	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HẬU GIANG	315	9.300	2.929.500
181	97	Sulfamethoxazol + Trimethoprim	Cotrimoxazol 480mg		VD-24799-16	400mg + 80mg	Viên nén		Uống	Viên	Công ty CPDP Minh Dân	Việt Nam	Hộp 20 vi x 20 viên	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM MINH DÂN	389	780	303.420
182	98	Sultamicilin (dưới dạng Sultamicilin tosilat dihydrat)	Midactam 375		VD-26900-17	375mg	Viên nén bao phim		Uống	Viên	Công ty CPDP Minh Dân	Việt Nam	Hộp 1 túi x 1 vi x 10 viên	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM MINH DÂN	3.898	26.750	104.271.500
183	100	Telmisartan	ZHEKOF		VD-21070-14	40mg	Viên nén		Uống	Viên	Công ty cổ phần dược phẩm Đạt Vi Phú	Việt Nam	Hộp 3 vi x 10 viên	CÔNG TY CỔ PHẦN GON SA	625	950	593.750
184	102	Thiocolchicosid	Donstyl 4 mg		VD-25423-16	4mg	Viên nén		Uống	Viên	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco	Việt Nam	Hộp 10 vi x 10 viên	CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ DOMESCO	1.785	5.200	9.282.000
185	104	Ticarcillin (dưới dạng Ticarcilin dinatri) + Acid Clavulanic (dưới dạng kali clavulanat)	VITICALAT		VD-19062-13	3g + 0,2g	Thuốc bột pha tiêm		Tiêm	Lọ	Công ty cổ phần dược phẩm VCP	Việt Nam	Hộp 1 lọ; Hộp 10 lọ	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DƯỢC SÀI GÒN	98.000	630	61.740.000
186	105	Tobramycin	A.T Tobramycine inj		VD-25637-16	80mg/2ml	Dung dịch tiêm	Lọ/Ống 2ml	Tiêm	ống	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên	Việt Nam	Hộp 10 ống x 2ml	CÔNG TY CPDP AN THIÊN	8.799	1.000	8.799.000
187	107	Tolperison hydroclorid	TOPEZONIS 50		VD-26094-17	50mg	Viên nén bao phim		Uống	Viên	Agimexpharm	Việt Nam	H/3 vi x 10 viên	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AGIMEXPHARM	268	35.950	9.634.600
188	108	Tramadol hydroclorid	Privagin		VD-19966-13	100mg/2ml	Dung dịch tiêm	Ống 2ml	Tiêm	Ống	Chi nhánh Công ty cổ phần dược phẩm trung ương Vidipha	Việt Nam	Hộp 5 ống x 2ml, hộp 10 ống x 2ml, hộp 25 ống x 2ml	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CODUPHA	6.995	7.000	48.965.000
189	110	Tranexamic acid	A.T Tranexamic inj		VD-25638-16	250mg/5ml	Dung dịch tiêm	Ống 5ml	Tiêm	ống	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên	Việt Nam	Hộp 10 ống x 5ml	CÔNG TY CPDP AN THIÊN	2.856	2.480	7.082.880

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
BỆNH VIỆN CHẤN THƯƠNG CHỈNH HÌNH

KQ-5A2

STT	STT trong Hồ sơ mời thầu	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SĐK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Công ty dự thầu	Giá trúng thầu	Số lượng trúng thầu	Thành tiền
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)
190	111	Vancomycin hydroclorid	Vancomycin	Vancomycin	VD-12220-10	Vancomycin hydroclorid tương ứng 500mg Vancomycin base	Thuốc tiêm bột đông khô		Tiêm	Lọ	Công ty cổ phần Dược - TTBYT Bình Định (Bidiphar)	Việt Nam	Hộp 1 lọ thuốc tiêm bột đông khô + 1 ống dung môi 10ml	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - TRANG THIẾT BỊ Y TẾ BÌNH ĐỊNH (BIDIPHAR)	24.297	2.180	52.967.460
191	112	Vitamin A + Vitamin D3	Vitamin A & D		VD-20878-14	5.000IU + 400IU	Viên nang mềm		Uống	Viên	Công ty cổ phần dược phẩm TV.PHAR M	Việt Nam	Hộp 10 vi x 15 viên	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TV.PHARM	178	2.000	356.000
192	114	Magnesi lactat dihydrat + vitamin B6	DEBOMIN		VD-22507-15	Magnesi lactat dihydrat 940mg + vitamin B6 10mg	Viên nén sủi		Uống	Viên	Cty CP DP Phương Đông	Việt Nam	Hộp 1 tuýp 10 viên	CÔNG TY TNHH TM DƯỢC PHẨM THIÊN THỂ	2.600	20.000	52.000.000
193	115	Acid ascorbic	VITAMIN C 500MG	VITAMIN C 500MG	VD-14646-11	500mg	Viên nén bao phim		Uống	Viên	Công ty cổ phần Dược S.Pharm	Việt Nam	Hộp 50 vi x 10 viên	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC S PHARM	195	269.000	52.455.000
194	116	Acid ascorbic	CEVITA 500		VD-27734-17	Mỗi 5ml chứa acid ascorbic 500mg	Dung dịch tiêm	Ống 5ml	Tiêm	Ống	Công ty cổ phần dược phẩm 3/2	Việt Nam	Hộp 10vi x 10ống x 5ml	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM 3/2	1.365	16.800	22.932.000
TỔNG CỘNG																92	7.373.212.630

Lô 4: Thuốc có chứng minh tương đương sinh học do Bộ Y tế công bố

195	1	Acceclofenac	Clanzacr		VN-15948-12	200mg	Viên nén bao phim phòng thích có kiểm soát		Uống	Viên	Korea United Pharm. Inc.	Hàn Quốc	Hộp 3 vi x 10 viên	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM AN	6.900	24.900	171.810.000
196	2	Cefixim (dưới dạng Cefixim trihydrat)	Midefix 200		VD-27952-17	Mỗi gói 2,8g thuốc bột chứa Cefixim (dưới dạng Cefixim trihydrat) 200mg	Thuốc bột pha hỗn dịch uống		Uống	Gói	Công ty CPDP Minh Dân	Việt Nam	Hộp 10 gói x 2,8g	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM MINH DÂN	6.800	5.000	34.000.000

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
BỆNH VIỆN CHÂN THƯƠNG CHÍNH HÌNH

KQ-5A2

STT	STT trong Hồ sơ mời thầu	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SBK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Công ty dự thầu	Giá trúng thầu	Số lượng trúng thầu	Thành tiền
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)
197	4	Metformin HCl	Mefomid 850		VD-27263-17	850mg	Viên nén bao phim		Uống	Viên	Công ty cổ phần Dược - TTBYT Bình Định (Bidiphar)	Việt Nam	Hộp 3 vi x 10 viên	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - TRANG THIẾT BỊ Y TẾ BÌNH ĐỊNH (BIDIPHAR)	252	1.540	388.080
198	5	Trimetazidin dihydroclorid	Dozidine MR 35mg	Dozidine MR 35mg	VD-22629-15	35mg	Viên nén bao phim phòng thích chậm		Uống	Viên	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco	Việt Nam	Hộp 6 vi x 10 viên	CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ DOMESCO	430	330	141.900
TỔNG CỘNG																4	206.339.980
Lô 5: Thuốc không đáp ứng các tiêu chí của các lô 1, 2, 3 và 4																	
199	1	Etoricoxib	MAGRAX-F		VD-19172-13	120mg	Viên nén bao phim		Uống	Viên	Công ty cổ phần dược phẩm Đạt Vi Phú	Việt Nam	Hộp 3 vi x 10 viên	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM GON SA	2.290	7.000	16.030.000
200	2	Etoricoxib	Etoricoxib 60		VD-27915-17	60mg	Viên nén bao phim		Uống	viên	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hòa	Việt Nam	Hộp 10 vi x 10 viên	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM KHÁNH HÒA	830	19.500	16.185.000
201	3	Flurbiprofen	Zentofen		VN-16718-13	100mg	Viên nén bao phim		Uống	Viên	Nexus Pharma (Pvt) Ltd	Pakistan	Hộp 3 vi x 10 viên	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CPC1	2.310	50.000	115.500.000
202	4	Ketoprofen	Kefentech		VN-10018-10	30mg/ miếng dán	Cao dán		Dán ngoài da	Miếng	Jeil Pharmaceutical Co. Ltd.	Hàn Quốc	Hộp 20 gói x 07 miếng	CÔNG TY TNHH TMDP CÁT THÀNH	8.783	17.460	153.351.180
TỔNG CỘNG																4	301.066.180
TỔNG CỘNG																202	28.779.153.942

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
BỆNH VIỆN CHẤN THƯƠNG CHỈNH HÌNH

KQ-5A2

STT	STT trong Hồ sơ mời thầu	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SĐK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Công ty dự thầu	Giá trúng thầu	Số lượng trúng thầu	Thành tiền
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)

Ngày Tháng Năm

BÊN MỜI THẦU

(Ký, ghi rõ họ tên)

GIÁM ĐỐC



TS.BS. Phan Quang Trí

